

TÂY - HỒ PHAN CHÂU TRÌNH
— di thảo —

TÂY - HỒ và SANTÉ
Thi tập

LÊ - ÁM
sao lục

ĐÍNH CHÍNH

Trước khi đọc tập thơ này xin quý-vị độc-giả sửa hộ những chữ in sai. Thành thật cảm ơn và xin lỗi quý-vị.

TRANG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA	TRANG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA	TRANG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA	
6	6	đầu	đau	23	26	tây	tay	51	32	the	thè	
“	13	cả	õa	29	19	đây	đâu	52	8	vay	vẩy	
“	18	lại	lạy	31	16	hay	bay	53	7	đu	đầu	
“	22	người	ngươi	32	4	vai	voi	55	6	đế	tế	
7	2	Đang	đăng	36	14	cạy	cậy	“	7	nóm	nom	
“	6	mơi	mơ	“	27	dà	đã	56	3	bay	bày	
“	7	mục	nục	37	24	luôt	lượt	“	28	thứ	thứ	
“	8	đầy	mày	“	25	dơi	dời	57	23	san	sắn	
“	24	khắp	kháp	40	8	đực	dục	60	4	dều	đều	
“	26	Có	cỗ	“	13	đế	dế	“	7	trồc	trốt	
“	29	tắt	tắt	“	29	cứu	cau	“	8	Sàn	sân	
8	9	phòng	phòng	phòng	41	bâu	bầu	“	14	vành	'cho	
“	14	đồng	dòng	dòng	“	20	gió	khó	“	16	đầu	đầu
“	16	gâm	gấm	42	13	dày	dày	61	4	xưa	sura	
“	25	Rắn	Rắn	“	16	bíển	biển	62	32	chun	churn	
“	27	đông	dòng	dòng	“	già	gia	64	4	chun	churn	
“	29	thụ	thú	thú	43	âm	ăm	65	6	mưa	mùa	
9	13	thể, lụy	thổ, lụy	thổ	“	sụ	sụ	“	8	dế, đầu	dế đầu	
10	4	vũng	vũng	vũng	“	rút	rúc	“	22	tau	tay	
11	24	xót	sót	sót	“	cửa	cửa	66	7	lỗi	lỗi	
12	7	nhá	sá	44	15	cành	rành	“	8	chen	chen	
“	14	cồ	cỗ	45	10	chảnh	chẳng	“	15	tùng	tùng	
“	16	bầu	bầu	bầu	“	đè	đã	“	22	hè	khe	
“	25	chong	chung	chung	“	giàu	giùa	“	24	Khang	khảng	
“	30	cáp	cấp	cấp	“	dn	d n	67	11	thic	thic	
13	17	du	dầu	dầu	47	bày	bày	“	13	chố	cố	
“	20	ghéo	khéo	khéo	48	xún	xún	xún	“	15	goi	ne ọi
15	30	còn	cầm	cầm	50	3	trm	trầm	“	20	Đàn	Đua
17	4	dang	danh	danh	“	24	đế	dế	68	1	cóc	cốc
“	8	dành	dành	dành	“	29	thô	thô	“	5	cung	cưng
18	9	chap	cháp	cháp	51	12	Se se	So se	“	9	lúra	lúa
“	18	dám	đám	đám	“	13	Se sê	so sê	“	15	corm	còn
20	25	rang	ràng	ràng	“	18	Dàn	dần	“	24	đà	đá
22	9	bờn	hởn	hởn	“	tây	tay	69	6	An	Ấn	

TRẠNG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA	TRẠNG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA	TRẠNG	HÀNG	CHỮ SAI	XIN SỬA
« 14	đến sau	bến sâu	« 18	thầy	thầy	« 17	lung	lung	lóng	nhóm	lóm
71 6	đầu	đầu	90 2-4	dây	dây	103 21	treo, dương	treo, dương	cõi	cõi	coi
72 14	lung	lung	90 6	cheo, ruong	cheo, ruong	104 8	« 16	bay	bai	105 4	nẽ
73 4	dầu	dầu	« 21	treo	cheo	« 17	« 15	đúng	đứng	106 1	tồn
74 7	Ở	Ở	91 15	« 16	nối	« 15	« 26	đâu	đâu	107 5	dài
« 12	chực	chực	92 22	hang, sào	hang, sào	« 8	« 11	hàng, sào	hang, sào	108 6	ná
« 21	sử	tử	93 11	hở	hở	« 16	« 28	chớp	chớp	109 11	chót
« 22	cây	quậy	94 23	« 28	chớp	« 24	« 9	đào	đào	110 6	chót
75 8	lo dã	Lô cá	95 5	đào	đào	« 15	« 10	siên	xiên	111 18	giòn
« 16	chưa	chưa	96 13	siên	xiên	« 11	« 13	thạch	thạch	112 9	giòn
76 6	Ở	Ó	97 13	thạch	thạch	« 7	« 18	liêm	liêm	113 18	dài
77 13	khuây	khuây	98 4	liêm	liêm	« 23	« 24	lặng, lặt g	lặng, lặt g	114 18	dài
« 27	còi	còi	99 13	lặng, lặt g	lặng, lặt g	« 13	« 24	lên	lên	115 9	chết
78 3	dung	rung	100 5	lên	lên	« 13	« 23	qua	qua	116 6	chết
« 11	giủi	giủi	101 5	qua	qua	« 13	« 13	sơ	sơ	117 18	churn
« 13	nhọa	dọa	102 12	sơ	xô	« 18	« 16	nên	nên	118 18	churn
« 14	mày	may	103 12	nên	nên	« 16	« 16	ngày	ngày	119 9	thiên
« 15	trảng	tráng	104 12	ngày	ngày	« 16	« 23	dâu	dâu	120 18	thiên
« 16	thôi	hởi	105 12	dê	dê	« 16	« 23	dâu, tôm	dâu, tôm	121 18	thiển
« 17	Rút	Phút	106 12	dê	dê	« 16	« 16	nhau	nhau	122 18	thiển
79 3	miếng	miếng	107 12	nhau	nhau	« 16	« 16	đầu	đầu	123 18	thiển
« 8	tốt	tốt	108 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	124 18	thiển
« 13	vây	vẩy	109 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	125 18	thiển
« 15	vành	bia	110 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	126 18	thiển
« 16	hởi	hởi	111 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	127 18	thiển
« 22	cúp	cúc	112 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	128 18	thiển
80 11	« sót »	Ông	113 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	129 18	thiển
« 17	bày	bày	114 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	130 18	thiển
« 20	gian	giản	115 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	131 18	thiển
82 14	bèn	bèn	116 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	132 18	thiển
« 18	Sông	Bông	117 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	133 18	thiển
« 23	cá, dày	cá, dày	118 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	134 18	thiển
83 16	quang	quảng	119 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	135 18	thiển
« 23	nghỉ	nghí	120 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	136 18	thiển
« 29	thương	thượng	121 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	137 18	thiển
84 15	túrc	túrc	122 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	138 18	thiển
85 28	theo	heo	123 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	139 18	thiển
88 6	ý	ỷ	124 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	140 18	thiển
« 7	thân	thǎn	125 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	141 18	thiển
« 9	xấy	sấy	126 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	142 18	thiển
89 8	quen	quên	127 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	143 18	thiển
« 9	xuấy	xoáy	128 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	144 18	thiển
15	đi	ói	129 12	đầu	đầu	« 16	« 16	đầu	đầu	145 18	thiển

MẤU LỜI GIỚI THIỆU

CUỐN TÂY-HỒ và XĂN-TÊ Thi tập là di cảo của nhà Cách-mạng Duy-Tân Phan Chu Trinh Tiên-sinh, bút hiệu Tây-Hồ mà khắp nước Việt ta ai cũng nghe tiếng.

Ra chào đời năm 1872 tại làng Tây-Lộc, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam ; dù thi đỗ Cử nhân (1900), Phó bảng (1901), để có chút danh vọng với đời còn đương ham chuộng khoa cử, nhưng Tiên sinh vẫn nuôi một báu tâm huyệt cách mệnh duy tân, vì nhận thấy thời cuộc rối r盭 không dồi mới không thể sinh tồn với thời mới được. Bắt đầu từ năm 1905 Tiên sinh quyết tâm từ chức Thừa chí (Ngũ phẩm) Bộ Lễ ở Triều đình Huế, để hướng theo con đường Cách mạng. Rồi từ đó ra Bắc, vào Nam, qua Trung-Hoa, Nhật-Bản (1906). Sau khi gặp Phan Sào-Nam Tiên sinh ở Thượng-Hải, ở Đông-Kinh, hai nhà cách mạng mới quyết định phân công hoạt động :

Sào Nam Tiên sinh chủ trương chính sách vũ lực, thời hoạt động ở Hải ngoại, Tây-Hồ Tiên sinh chủ trương chính sách duy-tân thì hoạt động ở quốc nội.

Khi trở về nước, Tây-Hồ Tiên sinh liền đi diễn thuyết cách mạng duy tân ở Đông-Kinh Nghia-Thục, & Hội Duy Tân Quảng-Nam, dưới con mắt căm thù của Pháp thực dân và Việt quan lại. Năm 1908 nhân cuộc kháng thuỷ của đồng bào Nam, Ngãi, Nghệ, Tĩnh, nhà cách mạng Tây-Hồ cũng chịu chung hoạn nạn với các đồng chí, phần đông là nhà Nho khắp Trung, Nam, Bắc đều bị đày ra đảo Côn Lôn.

Đến năm 1911, vì Hội Nhân-Quyền can thiệp, tòa án Pháp ở Mỹ-Tho tuyên bô trả lại tự do; rồi mấy tháng sau, Tiên Sinh được qua Pháp cư trú để hoạt động trên đất tự do. Chẳng may cuộc chiến tranh Đức, Pháp xảy ra (1914), Tiên Sinh lại bị bắt giam vào ngục Xăn-tê (Santé) vì Pháp nghi là gián điệp của Đức. Hội nhân-quyền lại cương

quyết bênh vực, nên một lần nữa, Tiên Sinh lại được hưởng đời sống tự do (1915). Trong 14 năm hoạt động ở Pháp, Tiên Sinh đã nổi tiếng là một nhà ái quốc rất can đảm với những thành tích đáng ghi (như bức thư gửi cho Liên-hiệp-quốc đòi quyền tự quyết cho nước Việt-Nam 1918, và bức thư trách vua Khải-Định khi qua thăm Chính phủ Pháp 1922). Trở về Tổ quốc năm 1925, Tiên Sinh lưu trú ở Saigon, có tổ chức hai cuộc diễn thuyết về chính thể dân chủ và đạo đức Đông, Tây rất được dư luận hoan nghênh. Sức tranh đấu đã quá mệt mỏi, Tiên Sinh dù nằm trên giường bệnh, vẫn lưu tâm đến vận mệnh nước nhà. Khi nghe tin người bạn đồng tâm, Phan Sào Nam Tiên Sinh đã được Toàn Quyền Varenne (thuộc đảng Xi Hội Pháp) ký giấy ân xá (24-12-1925) Tiên Sinh liền ra khỏi giường bệnh, viết bức tâm thư tờ nỗi cảm hoài, và hứa sẽ gặp nhau bàn tính việc nước. Nhưng than ôi ! Trời chẳng chiều người, nhà cách mạng duy tân Phan Tây Hồ Tiên Sinh đã từ giã cõi trần hồi 9 giờ sáng ngày 24-3-1926, chỉ để lại một kỷ niệm đau thương, cùng một sò văn thơ bị hùng lưu truyền bất hủ.

Tập thơ được giới thiệu này chính bà Phan-thị-Liên, con gái của Tiên Sinh, vợ ông giáo sư Lê-Ân, đứng tên xin phép xuất bản rồi trao cho Hội Không-Học Việt Nam nhận việc phát hành, vì bà là giòng giống nhà Nho, vẫn có lòng tôn sùng Không-Giáo.

Mầy lời chân thành xin giới thiệu cùng Quý Vị đọc giả thân mến.

THÀNH CHÂU NGUYỄN TRÁC



TÂY HỒ PHAN CHU
TRINH DI THÀO

Tây hồ thi tập và Santé thi tập

TIÊU DÂN

Cụ Tây-Hồ làm thơ để tỏ chí minh. Thơ bằng Hán-văn có, Việt-văn có. Lúc ở Paris trong trận Đại chiến 1914-1918, nhơn cự hoạt động chống chính sách thuộc địa của Pháp ở Việt-Nam, bọn thực dân thù ghét, vu cáo Cụ thông với Đức, Cụ bị bắt giam từ tháng 9 1914 đến tháng 7-1915, tại nhà ngục Xan-té (Sanlé).

Trong ngục, Cụ chép lại những bài thi đã làm từ trước, để tên là « TÂY HỒ THI TẬP ». Lại làm thêm nhiều bài khác, phần nhiều lấy tục ngữ нарече nhà làm đề, để tên là « SANTÉ THI TẬP ». Cụ cũng đã chú thích cả.

Nay chúng tôi kính sao lại những bài thi quốc văn để công hiến chư đọc giả. Những lời chú thích riêng của chúng tôi thi ghi rõ « người sao lục ».

Nay kính ghi—Người sao lục
LÊ - ÂM

I.— TÂY HỒ THI TẬP

CỜ TƯỚNG (Năm Ất-tị ở Phan-thiết)

Một ông tướng lác đứng trong cung,
Sĩ tướng khoanh tay chưởng vây vùng ;
Pháo giở hai cây nǎm dưới gốc,
Tốt đầu năm chú đứng bên sông ;
Lờ khờ cắp ngựa đi tam cỗ
Lạc xác đồi xe chạy tứ tung :
Đương cuộc ai xui mê đến thế.
Họa là tiên xuống giúp cho cùng !

HÁT BỘI (Năm Giáp-thìn)

Đồng la trống chiến đánh vang rầm,
Cã cã coi ra cũng lũ này ;
Ba lão kép già ngồi vách mồ,
Mấy thằng hiệu đói đứng khoanh tay ;
Áo xiêm lượt thượt tuồng anh khách,
Dùi gậy nghênh ngang khác chú tây ;
Lại kiểm ít đồng rồi rượu thịt,
Hết, còn nhà chủ biết gì đây.

ĐÈN SÁP

Trăm nhồi nghìn nắn tính không hơi,
Đèn sáp khen người khéo gieo gai !
Giữ chặt mỗi tim trong mấy tắc,
Lăn tròn cái xác biết bao ngoi.
Cháy đầu bởi đốt cơn tăm tối,
Nóng ruột càng thêm sự sáng soi.
Mở cửa vì đâu nên gió lợt,
Trót đêm nhỏ giọt tỏ cùng ai ?

AN GỎI SANH CẦM

Đang tay bắt đặng cá con con.
Ăn gỏi sanh cầm quả rất ngon.
Vật vả trên tay tươi rồi rồi,
Đưa ngay vào miệng cắn dòn dòn.
Chanh chua hòa với rau mùi núi,
Mắm mực lòn cùng chuối chát non.
Đầy đã sa cơ về kiếp ấy,
Tau cho một miếng rồi linh hồn.

CHÍ THÀNH THÔNG THÁNH THI

(Bằng chữ Hán tại Bình Định mượn đề trường
thi làm đề cõ đóng) (Người chép lại diển nôm)

Ngảnh mặt giang sơn luống sưng sờ !
Anh hùng râu rí khóc người xưa.
Muôn dân nô lệ cường quyền mạnh,
Tâm vể văn chương giấc ngủ mơ.
Dày mặt mía mai dành chịu mãi.
Thoát thân trói buộc biết bao giờ ?
Người ta ai cũng tâm can thế,
Nghĩ đến văn này đã thầm chưa ?

CHÍ THÀNH THÔNG THÁNH THI

(nguyên văn)

Thế sự hời đầu dī nhứt không,
Giang sơn vò lụy khắp anh hùng.
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bát cổ văn chương thụy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thoa mạ,
Bát tri hà nhứt xuất lao lung,
Chư quân vị tắt vò tâm huyết,
Bằng hướng tư văn khán nhứt thông.

VỌNG-PHÚ-THẠCH

(Ô BÌNH-BÌNH)

Vạn : không, chẳng, trong, phòng, lòng.

Sự tám mươi đời biết có không.
 Người chẳng ? hay đá ? vợ chẳng ? chẳng ?
 Đi đâu nên nổi quên tin tức ?
 Đứng đó bao giờ luống đợi trông ?
 Tu vậy hay sao đầu trui lủi ?
 Khóc chí lầm hử ? mặt phòng phòng.
 Trời cao bể rộng người còn mất ?
 Biết nặng hòn non, nhẹ cái lòng.

CẨM TẮC

(Lúc ở Phan-Thiết, 1905)

Gió, tơ, đong, mưa đỗ lện phèo,
 Trời già cbi nở thắt khi eo,
 Gậm mùi trung hiểu nêc cay đắng,
 Dở túi văn chương dã mốc meo,
 Bọn điếm lảng xăng lo chợ cháy,
 Con hoang lơ lửng khóc cha nghèo,
 Non cao bể rộng mênh mang cả,
 Mặc sức bơi chơi, mặc sức trèo.

HỌA BÀI THÌ Ô. TRƯƠNG-GIA-MÔ

Mưa giầm ai gội ? nắng ai dang ?
 Sức nhớt ông Chi (1) khóc đạo dàng.
 Rắn mất dò chơi then Tạo-hóa ;
 Sẵn vai nhác thử gánh giang sơn,
 Gió động nước cũ lòng nhưng bận,
 Cây cỏ non tiên dạ những màng.
 Cuộc ngoại hỏi nào người quốc-thụ,
 Hơn thua một nước dẽ ai hoàn.

(1) Cao-Sơn-Chánh-Chi người Đảng Duy-Tân bên Nhật-bản.

XUẤT ĐÔ MÔN

(Ra cửa Kinh-đô)

(Năm 1908. Cụ bị kết án đày Côn Lôn, khi ra cửa thành
Huế có ngâm bài thơ bằng văn, cụ Huỳnh-Thúc-Khang
dịch ra quốc văn như sau : (Người sao lục)

Xiềng sắt lang thang ra cửa đồng,
Ngâm nga ngợi hát lười còn không ?
Giồng nòi mòn mỏi non sông đắm,
Ai dẽ Côn-Lôn ngã tắm lòng ?

NGUYỄN VĂN

Luy luy thiết tảo xuất đô-môn,
Khẳng khái bi ca thiệt thương tồn.
Quốc thể trầm luân dân tộc lụy,
Nam nhi hà sự phạ Côn-Lôn !

TRỒNG ĐÀO

(Làm ở Côn-Lôn năm Đinh-Vi)

Nước non hàng họ vẫn quanh đây.
Đem giồng đào tiên thử đất này.
Nhảy tược đậm bòng rồi kết quả,
Ai ăn xin nhớ kẻ trồng cây.

ĐÀO CÔN LÔN

(Năm Đinh-Vi!)

Bờ vờ nước cũ biến ra cồn
Ai ngờ cồn đây chút núi non !
Gành lở rách hai vùng Què-hải (1)
Chó gà riêng một cụm Đào-nghuyên.
Bốn mùa hoa quả quên sưu thuế (2)
Một năm giang sơn đủ đại khôn (3)
Cả thảy anh em đừngng bức bối,
Chẳng gan chưa dẽ tới Côn-Lôn.

(1) Biển nước Nam ta Tàu gọi là Què-Hải, vì trước ta nhập
về với Quận Què-Lâm. (2) Ở Côn Lôn còn một làng được vài
mươi dân, ruộng nương không đánh thuế, có tội chỉ cứ đuổi
lẩn về trong đất. (3) Nước ta bắt câu tội gì, từ ăn cướp
ăn trộm cho đến quốc sự cũng dày ra đó.

ĐÀO CÔN-LÔN

(*Bài thứ hai*)

Tang thương dời đổi mấy thu đông,
 Cụm núi Côn-Lôn đứng vững tròng.
 Bốn mặt giày vò oai sóng gió,
 Một mình che chở tội non sòng.
 Cỏ hoa đất nảy cây trăm thước,
 Rồng cá trời riêng biển một vùng.
 Nước thảm non xanh thiêng chẳng nhẹ?
 Gian nan xin hộ bước anh hùng.

ĐẬP ĐÁ

(*Làm ở Côn Lôn năm Đinh V!*)

Làm trai đứng giữa đất Côn Lòn,
 Lùng lầy làm cho lở núi non.
 Xách húa đánh tan nấm bảy đồng,
 Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
 Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
 Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
 Nhũng kẽ vá trời khi lở bước,
 Gian nan chi kẽ sự con con.

NÓI LÁO

(*Dung nguyên văn bài :
 «!Tống Tử Thư quy Tào»*)

Nói láo ai tin sự trưng voi,
 Láo cho có sách mói ra mói.
 Nhổ phăng cánh phụng vanh nên quạt,
 Bé tróc sừng lân tiện được còi.
 Hậu-Nghệ bắn trời xương lút sõ,
 Thủ-Hoàng đánh đá máu theo roi.
 Không tin hỏi thử ông Bành-Tổ,
 Chẳng thiệt xin đoán ngọc mấy thoi.

CÚ NGOÀI TRÁCH CÚ TRONG

(lúc ở Mỹ-Tho)

Dạ chuột lòng chim gãm chả xong,
Nghĩ ra mà góm chú cu trong !
Đã hay ghét chác giây gù gáy,
Cũng phải thương nhau nhấm máu lòng.
Trót bước vồ vòng xoang lấy lưỡi,
Còn đem cả ổ giụm vào lòng.
Nước ve lúa nhấm bao nhiêu đó ?
Độc miệng nào ai có kẻ còng.

CÚ TRONG HỌA LẠI

(Ở Mỹ-Tho)

Sa chân sẩy bước trót vào trong,
Nương náu tay người phải gắng công.
Lưới rập vì đau sanh máy móc,
Gáy gù dành chịu tiếng không lòng.
Nhảy bay mặc đó đừng khua mõ,
Xa lạ chi đây nô biết lòng.
Nói giống thương nhau tầng mấy thuở,
Diêu gà thịt chó thây tha vung.

THÚ VẬN TẶNG KÝ PHÚ

Gió bụi xông pha kiếm một thính,
Tới đây nghĩ đã lầm còng trình.
Thành xưa giấu xót lau đồi cùm,
Nước cũ tro tàn liễu mấy dịnh.
Cám cảnh trăm năm dành để dạ,
Chào nhau một tiếng gọi là tình.
Mấy lời vàng đá lòng ghi tạc,
Bao quẩn thân này chút tí danh.

TẶNG ÂM BÂY CƯỚI VỢ

(Năm Canh-Tuất ở Mỹ-Tho, Bài I)

Tiếng quyền lầu Tân vảng vảng nghe.
Nôm na gởi tặng bạn cò ke.
Đất Phan sấm dậy trầm phong pháo,
Chợ Lớn mây đưa mẩy lặng xe.
Cậu dâ mênh mùng quá nhá
Trai mà có vợ sướng hung he,
Cho hay son phấn nồng hồn lửa,
Mềm ruột anh hùng đầy lầm nhẹ ?

TẶNG ÂM BÂY CƯỚI VỢ

(Bài II)

Thứ vàng chọn đá bấy nhiêu lâu.
Kiếm chút chi chi bỏ cổ dầu.
Trải khắp bông thơm chừng buồm mổi,
Bay vừa gièo tốt chắc ong bầu.
Xoang tay Bá-Nhạc khôn làm ngựa,
Liếc mắt Bào-Đinh chẳng thấy trâu
Ai mới mừng ai ta cũ rẽch
Mỉm cười lại nhớ chuyện đâu đâu.

TẶNG ÂM BÂY CƯỚI VỢ

(Bài III)

Cá nước bảy giờ thỏa ước ao.
Nghĩ đòi năm trước vẫn tầm phào,
Thành Bàn lận đận người chong bóng,
Cửa Bé trơ trơ kẻ cẩm sào.
Ngờ chú chắc gan không bận bịu,
Đó ai thấy sắc chẳng thieu thào,
Làm trai phải biết mùi bông đuốc.
Lén lút ra chỉ sự cáp đào.

TẶNG ÂM BÂY CƯỚI VỢ

(Bài IV)

Lừa lọc khen cho khách cõi rồng,
Tình xuân nắn ná dẽ đêm đồng.
Bông đường giấc tinh trăng chưa xế,
Rượu cúc hơi khuây đuốc vẫn hồng,
Vàng gióng ngàn thoi đã đúng giờ,
Gươm mài trăm bận dẽ hoài công.
Người đời lịch duyệt khôn là thế,
Tắc bóng so đo chó bỏ không.

TẶNG ÂM BÂY CƯỚI VỢ

(Bài V)

Gái sửa trai mảng sướng lắm thay !
Phong lưu chuyện ấy gầm chi tỳ,
Vỏ lòng còn thẹn tuồng nâng chén,
Ngợ ngón chưa quen thú vê mà.
Uớt đẫm dùi tây thơm ngát mũi,
Láng xầy lạnh bắc mát ru tay !
Anh em nói vậy thì hay vậy,
Chó hở cho ai ghéo lá lay.

TẶNG ÂM BÂY CƯỚI VỢ

(Bài VI)

Phong tình thôi bó tay lăng nhăng.
Thương chút lòng ai phải nói nang.
Đã biết chơi hoa khi mới nở
Cho hay uốn trúc thuở còn mảng,
Sau lưng Bồ-Tát khôn nương bóng,
Dưới ngọn Ma Cà phải cẩn răng.
Có nhảm mùi đồi cho chín chấn,
Tiếng sú đừng để thói lung lăng.

TẶNG TÚ NGHI CƯỚI VỢ

(Bài I)

Trách móc gì tôi ngài hỡi ngài !
Cõi rồng cõi cọp biết mừng ai ?
Chim khôn phải lựa nơi cảnh tốt,
Cá rẽ đường ham buổi chợ mai.
Bến cũ một hai còn lầm liễu,
Vườn quê ba bảy thiếu gì mai.
Trăm năm đầu tình chàng tơ tóc,
Bươoi chải cho hay chó bốc chài.

TẶNG TÚ NGHI CƯỚI VỢ

(Bài II)

Bốc chài sao được ó ngàiơi !
Đầu tóc xanh xanh mấy chục rỗi ?
Xuân đặng bao nhiêu giàu đặng mấy ?
Chim còn có cặp cá còn đói.
Đen vàng cõi ký chờ đâu đấy ?
Đỏ trắng đèn chuong chán lấm thõi.
Mừng cung mừng thầm thương phái nói,
Xin ai chó trách móc gì tôi.

THÚ VẬN HỌA XUÂN LAN NỮ SĨ

(Bài I)

Nức tiếng hương quê đã mấy năm,
Xa xôi chi' đó nứa mà làm.
Trái mai hối tiết vừa ba bảy ;
Tơ liễu so tài đặng bốn năm.
Khép cửa còn chờ trang bắn sê,
Cách tường chưa gấp buổi rơi trâm.
Chim xanh khéo mở đường qua lại,
Vắng vắng bên sông mấy tiếng cầm.

THÚ VẬN HỌA XUÂN LAN NỮ SĨ

(Bài II)

Trái kiếp tro Tần sáu chục năm,
Khôn trang nữ kiệt chí không làm.
Vân chương canh cẩm tài nên một,
Ý chí mày râu đạo vẹn nǎn.
Thêu dệt chưa nhường tay vẽ phụng,
Kén lừa còn đợi khách trao trảm.
Dẫu ai săn có lòng tri kỷ,
Nghe thủ Tương Như mấy khúc cầm.

THÚ VẬN HỌA XUÂN LAN NỮ SĨ

(Bài III)

Non sòng một gánh nặng quanh năm,
Giữ chặt mình ta đán lối làm.
Đắt khách ngồi ngàng con gối chiếc,
Lòng què bận bịu lúc canh nǎn.
Ngự-Cầu gieo lá tình hòa mực,
Bạch-Tuyết xem thi bút bén trảm,
Tâm sự đồi lời xin nhắn hỏi :
« Biết ai chẳng nhẹ bận nghe cầm. »

THÚ VẬN HỌA XUÂN LAN NỮ SĨ

(Bài IV)

Biện trời lùng lầy bầy nhiêu năm,
Sơn phẩn ham chi sự lối làm.
Tiếc đứng tài tình còn lè chẽ,
Xui lòng thất thạch bận ba năm.
Mắt xanh vẫn biết trang đê lá;
 Tay trắng khôn toan nói chịu trảm.
 Ví dẫu thuyền tình chưa phai bến,
 Gặp nhau thời cũng bạn thi c'm.

PHỤC LỤC NGUYÊN VẬN

Đất trồi lùi thổi tháng rồi năm,
Ngibiêu thuẫn người xưa mới khôi làm.
Trường liêu mơ màng câu đúc bốn,
Cửa quê làn lựa cái hằng năm.
Sám ra bến ngự dòng gieo lá,
Hồ với sân rồng kẻ gõ trâm.
Tháng mảng sít sy theo bốn phận,
Ngibiên tai đâu hỡ khúc hoang cầm.

HIỀN THÊ

(Vạn : lò, mò, lo, cho, trò
(hạn mỗi câu có 1 vị thuốc Bắc)

Chàng tách « thiên môn » thiếp đứng lò.
Giám khuyên « quân tử » khéo tì mò,
Chỉ « cam-thảo » mẹ vâng lời dạy.
Tân « khổ qua » ngày giữ phận lo,
« Viễn-chí » chưa đèn dành gắng mãi.
Đương qui đứng gởi mới hay cho,
« Huyền-hồ » thỏa lặng lòng trai trẻ,
Đến lúc « hồi hương » mặc chuyện trò.

QUA TÂY LƯU TẶNG NƯỚC NHÀ

Làm trai trót gánh gánh giang san,
Dám nại xa xuôi bỏ giữa đường.
Coi lại chỉ còn ba tấc lưỡi,
Trái qua đã nát mấy buồng gan.
Tách dương Án-Độ nhì thiên hạ,
Lên tháp Paris nhất thế gian.
Mượn bút Tương-Như đề mấy chữ,
Thân này dành phú với giang san.

ĐIẾU Ô. TÚ TÀI CHIỀU

(Lúc ở Paris, bài thứ 1)

Xây vẫn một cuộc biển nên cõn,
Đò Chiều dang thơm tiếng hối đồn.
Huyết lệ trãm dòng đau tớ-quốc,
Văn-chương một mạch rạng my mòn.
Lòng son còn có non sông tạc,
Nét mực chưa dành cỏ bụi chôn.
Ông khóc người xưa tôi khóc trả,
Mười bài gọi chút nghĩa chiêu hồn.

Bài thứ 2

Hồn nước trãm câu khóc quỷ thần,
Suối vàng khὸn hẹn mặt tướng quân.
Thú dương mảnh đá bia hiền sĩ,
Sơn trại câu thi giọng nghĩa dân.
Mùa máu còn kêu hồn vọng đế,
Héo gan vì khóc kẻ trung thần.
Anh hùng kết cuộc chưa dành vậy,
Chưa xót cho ai một chữ « truân ».

Bài thứ 3

Truân hanh tráo chác mấy trãm lòn,
Thương hại người ngayặng mấy thân.
Khóc núi khóc sông sầu lâ châ,
Lo trời lo bể dạ bâng khuâng.
Đành cơ tạo hóa chưa rồi kiếp,
Cái nợ nam nhi phải xí phìn.
Sáu tinh cỏ hoa rầy quạnh vắng,
Xót người một gánh nặng quân thân.

Bài thứ 4

Gánh nặng quân thùn đặng mấy vai.
Biết đem gan ruột gởi vào ai ?
Mắt còn vẫn giữ lòng đeo đuổi,
Thua được không sờn miệng mỉa mai.
Thút mút non sông tơ một sợi,
Về vời trung nghĩa bút trăm ngòi.
Đèn khuya rượu giả ngâm đòi giọng,
Giọt lệ câu thi chắp vắn dài

Bài thứ 5

Ván dài thôi có trách chi vua.
Cuộc thề còn nhiều nỗi được thua.
Trăm việc mơ màng trong giấc mộng,
Một tay chống chọi giữa trường đua.
Gặp sòng tranh cạnh khôn cô chú,
Vót kiếp trầm-luân thiêu điệu bùa.
Mấy tiếng kêu trời nghe đã thấu,
Ai ra làm chứng dám phân bua.

Bài thứ 6

Phân bua thiên hạ hối thương lòng,
Cái nợ non sông quyết gỡ xong,
Ngậm đá biển Đồng chim hết sức
Trông mây trời hạ lúa khò đồng,
Đêm dài Ninh-Thích khôn mong sáng,
Xuân lại Nghiêu-Phu đã chắc đồng.
Sùi sụt nhó người càng tưởng cảnh
Lờ mờ bụi lấp dấu Gò-Công.

Bài thứ 7

Công danh cuộc mót ngó chàng ràng.
Trăm họ còn lo chút lầm than.
Cây cỏ ngậm ngùi tình cỏ thõ,
Ngựa xe thay đổi dạng tân quan,
Cuộc đời lượn sóng cao, cao, thấp,
Trường lợi chùm mây hiệp, hiệp, tan.
Hạc tách lầu không mây bát ngát,
Núi sông tro đầy có ai toan.

Bài thứ 8

Toan sao đừng hẹn với cao sâu.
Chí sĩ xưa nay tủi bạc đầu,
Nước mắt Trường-Sa khẩn chảng ráo,
Câu văn Sở Tá bút khôn thâu.
Bè sàu mù mịt cây toan lắp,
Trời rách toang loang đá sấp khâu.
Giọt máu trung thành rơi đã khắp,
Hội này chưa dễ gặp người đâu.

Bài thứ 9

Đâu đâu rày đã biết người chàng ?
Giọt lệ thương quê nhỏ khó khăn
Trọn vẹn đã đành thẫn bạch-bích ;
Gièm pha bao quản tiếng thanh nhăng.
Chết đành theo mả Viên-Sùng-Hoán,
Sóng hỏi ngâm thi Đỗ-thiếu-Lăng.
Đau đớn vì ai trời đất biết,
Cuộc đời sấp ngửa hỏi còn dã.

Bài thứ 10

Dần vật sao cho khôi hội nầy !
Một thàn nam bắc lại đông tây.
Nước cờ đã bí mong toan gở ;
Giặc ngủ đương ngon giờ khuấy rầy.
Chiêu chít càng thương gà mắt mẹ,
Lao nhao chí sá cáo thành bầy.
Ó người chín suối thiêng chẳng nhẽ ?
Một nén tâm hương hối biết đây !

KHI CÁ ĂN KIẾN, KHI KIẾN ĂN CÁ

An trả nợ đói gặm quá mau ;
Hai anh « kiến » « cá » khéo mày tau !
Ngập dầu ổ lút khi tràn nước,
Khô vây thây phơi lúc cạn bầu.
Đó đã vui xia chùa bùa khác,
Đây dầu mắt trước được mùa sau.
Đất còn giông lụt trời còn nắng (!)
Lên xuống lâu ngày phải gặp nhau (2)

THƠ TIỀN CÔNG TỬ NGUYỄN VĨ HỌC THÀNH VỀ NƯỚC

(1913 tại Pháp)

Xúp-lè một tiếng ruồi chiêu hòm,
Vội vã xin đưa ít chữ nóm.
Đất khách chia tay ba chén rượu,
Thói nhà rang mặt một thanh gươm.
Bảy năm gắng gỏ công đèn sách,
Chín chữ đèn bồi nợ áo cơm.
Áo gấm ban ngày thêm rạng vče,
Bé khơi muôn dặm chúc xuôi buồm.

(1, 2) Trời sầm giông lụt thì kiền chạy lên, trời sầm hận thì cá đi xuồng.

(Không thấy đè và mất hai câu sau)

Anh biết cho chặng hởi Dã-Hàn ? (1)
Thình lình sờng dậy cửa Nha-Trang.
Lời nguyền trời đất còn ghi tạc,
Giọt máu non sông đã chảy tràn.
Tinh-Vệ nghìn năm hờn khó dứt ?
Đỗ-Quyên muôn kiếp oán chưa tan.

(Không thấy đè)

Há dám cưu chi kiếp má hồng,
Kén chặng là kén khách anh hùng.
Trời cao bể rộng dầu bay nhảy,
Nước bích non xanh thú vây vùng.
Nghìn lượng dẽ mua tài Tống-Ngọc,
Trăm năm khó cắt án Lương Hồng,
Tấm lòng băng tuyết thề trời đất,
Chặng đáng mày râu chặng gọi « chồng »

(Không thấy đè)

Con cháu Hồng-Bàng thẹn lắm thay !
Non sông đặng mấy kê râu mày !
Túi cơm giá áo loàng xoàng vậy,
Gối túi lưng tôi lúc nhúc đây.
Trót đã chết lòng cùng đất nước,
Sao cho mồm mặt với cao dày.
Trời Nam biển Quế nào ai đó ?
Bến nước mười hai bờ kiếp này.

(1) Dã-Hàn là biệt hiệu Cụ Trần-quý-Cáp, cụ cũng hiệu là
Thai-Xuyên và Thích-Phu (Người sao lục kính ghi).

THI XƯA (mười bài)

I

Việc chi van vái với ai đây ?
Các cớ sao người đến thế này ?
Biển rộng mặc dầu cho cá nhảy,
Trời cao chưa dễ hép chân mây.
Tìm thầy học đạo còn mong thuở,
Kiếm chủ thuê công dễ mấy ngày.
Trai nọ lèch mồm bơm méo miệng,
Chê bai thôi bó tay giọng thay lay.

II

Thày lay nên mới mắc danh dơ,
Cũng bởi mình cứu việc bá vơ.
Nước đục chưa chi cò ướm béo,
Sông trong đâu đó hạc toan chờ ?
Vững chân thà dễ thiêu nhà phổi,
Uớt mặt làm thêm bí nước cờ.
Đất cát ông cha còn dễ đầy,
Vì ai xui giục mới nên ngo.

III

Nói nên ngờ ngác để tan tành,
Các cớ xe dây trổ buộc mình.
Múa miệng còn dồi câu đạo nghĩa,
Cúi đầu thêm thẹn tiếng trâm anh.
Nỡ lòng đá ném cơn sa giếng,
Tốt mặt bìm leo lúc ngã thành.
Vậy cũng xăng vang thầy thợ mai,
Lợi còn chẳng biết, biết gì danh.

I V

Danh lợi đua bơi mệt lũ hoang.
Cũng lo việc nước gốm ghê còng.
Bất hùm ngoài nội chẽ rồng láo,
Đay khỉ trên cây thẽ mới ngoan.
Quái nỗi chất đầy quân mặt bạc,
Làm cho bẽ nát cái âu vàng.
Thôi đừng khòn khéo, thôi đừng giỏi.
Trong ống dòn beo dẽ một khoang.

V

Một khoang tròng thấy gọi rồng khôn,
Đeo ỏa tao dày chắp cả phòn.
Giả cáo giềnh giằng hoi mượn cọp,
Bắt gà lếu láo thói quen chồn.
Gánh vàng khôn cậy quang sòn gié,
Khát nước đừng mong ấm lủng trôn.
Sách ấy trò này thêm khuấy rối,
Cũng dành đốt hắt, cũng nên chôn.

VI

Nén chôn cho rảnh lũ tan nhà,
Sóng khuấy hồi tuồng gầm xấu xa.
Nếu muốn mang rêu mang cả cọc,
Sao không hỏi trẻ hỏi ông già ?
Đống xương nghĩa sĩ dội l่าน chất,
Giọt lụy anh hùng lấm lúc sa.
Phải dặng đồng tây nâng vạc ngã,
Non sòng may cũng họa chặng là.

VII

Họa chặng là việc dẽ toan lo,
Quái gờ tuồng chi khéo vē trò.
Muộn tiếng ham rồng toan lếu láo,
Dưỡng thây nuôi cợp hết so đo.
Quân nhu Mao - Sát thương ngàn khẩu,
Dân-urc Lư-Thoa sách mệt pho.
Trời máu vất thây thè đắt nước,
Lòng người đã muốn át trời cho.

VIII

Muốn át trời cho cũng hỏi người,
Dẽ đâu trau chuốt việc mua cười.
Ếch ngồi đáy giềng nên khinh mặt,
Chim sẩy ra lòng dám dẽ người.
Tuyết mặc dầu cưa tùng vẫn cứng,
Sương bao nhiêu nhuộm cúc thêm tươi.
Đời non tát bể chưa rằng khó,
Mấy tinh con con dẽ mấy mươi.

IX

Mấy mươi ta hỏi chó xăn văn.
Cợp tối nhà đây thế phải ngăn,
Xúm lại kinh tay ra sức chống,
Thôi đừng trây máu kẻ phần ăn.
Xoang mưu Trí-Bá thành chưa ngập,
Hết sức Ngu - Cõrg núi phải bằng.
Người định hòn trời nghe đã chắc,
Xưa nay lẽ ấy vẫn hằng hằng.

X

Hằng hằng xin giữ vẹn lòng ngay.
Bạc bẽo như ai chưa đáng thầy.
Đây đó nhỏ to hai lỗ miệng,
Mai chiều sắp ngừa một bàn tay.
Cọp còn đẻ đói quơ đuôi ngoắt,
Chim đã ăn no chớp cánh bay.
Tốt miệng đâu ra đòi chối thử,
Việc chi van vái với ai đây?

LẠI Y VẬN MUỜI BÀI

I

Than thở lời ai hỏi đẻ đây,
Trăm năm hẫu dẻ tỏ lòng này.
Sóng cao cá ngóp giường vì lội,
Ngày túi chim dành mỗi cánh bay.
Tiếc bấy tài cao chưa gấp thuở,
Hiềm vì khí vắn nở mua ngày.
Chín sông đâu có lòng tinh-vệ,
Nghe thử muời bài miệng lá lay.

II

Lá lay đâu nỡ khéo buoi dor,
Há phải như ai lũ vẫn vơ.
Nước đục mặc dầu cò ngả ngớn.
Nhà thiêu trôi kệ ên trần trò.
Nên hư dành chắc đòi lời sấm,
Cao thấp ăn thua một nước cờ.
Muôn đậm Châu-âu thàn lặn lội,
« Dân quyền » hai chữ đẽ làm ngọt.

III

Ngo ngác vì ta vụng tập tành
Xe giày mình trở buộc vào mình,
Ngang tàng đã kém trang đầu bút,
Khẳng khái còn đâu thói thỉnh anh.
Pha giễu pha trò voi úp thúng,
Hồ lơ hồ giựt súra qua mành.
Người đui ngựa quáng ao sâu vắc,
Lăn lóc còn ôm túi lợi danh.

IV

Lợi danh nên nỗi mới tan hoang.
Nghĩ tới đời con túi lại càng !
Lên núi bắt hùm nghè đã láo,
Rung cây nhát khỉ chước còn ngoan.
Xé vai còn mọng khi lành vặt,
Ăn cám sao quên sự trả vàng.
Mắt mẹ bảy giờ chịu chít đầy,
Biết đâu hay dở dám khoe khoang.

V

Khoe khoang chưa dẽ biết ai khôn,
Vấn chạch dài luron cũng một phòn.
Rắn mắt nở nào thêm cánh cọp ;
Hỏi lòng còn lầm thiện đầu chồn.
Âu vàng đã bể khôn tìm mảnh,
Chén ngọc tuy xinh tiếc lung trôn.
Có thảo chăng ai xin chút thuốc,
Chết rồi chưa dẽ thiểu người chôn.

VII

Người chôn kẽ bói khuấy hoang nhà,
Nào thấy ai đâu tính nỗi xa.
Mới biết nhiều thầy ma dê thúi,
Cũng vì đông mẹ gái nên già.
Láng giềng còn lầm tay rân rát,
Giòng giồng thêm buồn nỗi sút sa,
Lửa nóng đốt chua đâu đã chắc,
Gởi thân sao khéo tính lân la.

VIII

Lân la như thế gọi ràng lo,
Thương hại cho ai lầm chuyện trò.
Trái chiếu đẹp dor nên lung túng,
Chặt tay dứt độc phải so đo.
Hơn thua rút lại cờ không nước.
Cú cập vì chưng kiệu lung pho.
Vận bī ở trong trời cũng có,
Chút lòng cay đắng cũng tin cho.

VIII

Tin cho thời vận tiếc cho người,
Đâu nỡ trêu nhau sự cợt cười.
Hai chục kỷ rồi chưa mờ mắt,
Sáu mươi năm trước dám trêu người.
Đêm khuya nguyệt lặn nên sao tỏ,
Nắng háp hoa tàn dựa nước tươi.
Phải trái qua loa thời xóa cả.
Hồ đồ bao quản việc mươi mươi.

I V

Mười mươi xum xít luống xanh vẫn,
Rắn lợn nào ai tính thế ngăn?
Láo liền chuột bầy thua chuột lắt,
Chàng ràng trâu cột ghét trâu ăn.
Ngu - Công hết cháu non nên sưng,
Tinh - vẹt còn thân nước phải băng.
Gánh nặng đàng xa đâu nỡ bỏ,
Làm trai trước phải giữ lòng hăng.

X

Phải giữ lòng hăng mới thảo ngay,
Bệnh người còn vướng thích làm thay.
Tim nơi học đạo nên khoe mặt,
Kiếm chốn thuê công khéo xứng tay.
Gai gốc khó dung chưa phụng đậu,
Mù tăm thà bắt cánh hồng bay.
Đi già biết kiếp tu thì muộn,
Than thở lời ai hỏi đẽ đây.



II.— SANTÉ THI TẬP

Từ tháng 9-1914 đến tháng 7-1915, Cụ bị bọn thuộc
địa vu cáo, bị bắt giam tại Paris, trước nhất ở khám
Dépôt, sau đem qua ngục Sané. Ba bài thi số 1, 2, 3,
này chép theo truyền văn, không có trong di thảo.

(NGƯỜI SAO LỤC)

I) VÀO KHÁM ĐỀ - PÔ

Truyền đem giam lại khám Đề-Pô,
Xám, trắng, vàng, đen, lẩn một bồ.
Quân cướp ! Quân hoang ! rằng : bậy bạ,
Đứa ôm, đứa đánh, luống hò đồ.
Thù hiềm chi lầm làm nên nỗi !
Xui dục vì ai khuấy quá lồ ?
Pháp luật văn minh đâu mất cả ?
Chỉ thưa sách vở luống trâu bò !

II) VÀO NGỤC XANG - TÊ

Ba năm trại thú khắp Pa . ri,
Lao ngục chưa hề biết tì ti.
Sự thiếu vì đây bày buộc tối ?
Thân thưa còn dám oán hòn chi !
Một ngày dùng bữa hai lần xúp (soupe)
Ba đứa chia nhau một ổ mì,
Tám kiếp trâu già chỉ sợ ách,
Ngồi buồn lác vể cứ ngâm thi !

III) VÀO NGỤC XANG - TÊ

Từ ấy giam luôn mấy tháng tròn,
Nhờ trời ngủ kỹ lại ăn ngon,
Ngày hai lần xực coi còn dối,
Đêm chín giờ ngồi ngay vẫn dòn.
Mỗi bữa nửa giờ ra hóng mát,
Một tuần hai bận xuống thăm con ;
Vui buồn mình biết lòng mình vậy,
Miễn trả cho rồi nợ nực non.

MỘT TRÁI TRĂNG THU CHÍN LỒM LOM (1)

Vì ai ngày tháng giữ bom bom ?
Để trái trăng thu chín lồm lom.
Cuồng ẩn mây lan tròn úc úc,
Màu ngời nước biếc đỗ lồm lom.
Hương trời thơm ngát người ao ước,
Sắc nước trong veo chúng ngại òm.
Nhón với thang mây ta hái thử
Ấy kia thằng cuối chó xom rom !

QUẠ ĂN DƯA BẮT CÒ PHOI NẮNG

Trắc tréo khen ai khéo vẽ trò,
Ăn dưa là quạ bắt phoi cò !
Lom khom dưới đám lồng đèn phách,
Căng thẳng ngoài sân cánh trăng mờ.
Ấy bời khá mồm khôn tránh trút,
Hay vì dài mỏ vụng đòi co.
Lâu ngày thế mai ôm dây luống (2).
Cò chết thây cò quạ ních no.

VỪA SẮP BÁN VƯỜN ĐÃ ẢI XUỐNG GIẾNG

Bán vườn rồi giếng để thêm thura,
Sẵn dịp còn ta ỉa cũng vừa,
Ở mấy ngày thôi thây mặc cả,
Uống đâu Đấy nửa giờ tròn bùa.
Sạch dơ trối mặc thây nhà mới,
Trong đục cần chi bến nước xưa.
Thói tục so đo càng nhóp nhúa,
Ôn nguồn ai đã nhớ cho chưa ?

- (1) Câu thi của nàng Hồ-xuân-Hương vịnh thu nguyệt.
(2) Đời nhà Đường có ông Lý-Bí vịnh thi trông dưa rằng : « Nhứt trích sử qua hảo, tái trích sử qua hy, tam trích do vi khả, tứ trích bảo mạng quy » nghĩa là : một hái đê dưa tốt, hai hái đê dưa sưa, ba hái còn khá khá, bốn hái ôm dây bùa.
(3) Sách tàu : àm tuyển từ nguyên : uông nước nhớ nguồn.

CON GÁI BỀN NƯỚC MƯỜI HAI

Phận gái xưa nay vẫn thiệt thòi.
Lênh đênh bến nước đủ mươi hai.
Ông tơ dẫu mỗi nguồn trong đục,
Bà mụ cho duyên số chẵn chời (1)
Một chiếc thuyền tình không kén bạn (2)
Trăm năm khách quán biết nhở ai ? (3)
Cẩm sào đợi nước khôn lừa lọc,
Đưa đón đừng quen thói vãi chài.

CHƯA ĐẬU ÔNG NGHÈ, DÃ ĐE HÀNG TỒNG

Thế gian lắm kẻ chưa ông nghè,
Hàng rồng mai chiều đã thấy đe.
Ba giáp đè tên còn hống héo,
Mấy làng chung hạt chục hăm he.
Cọp rồng có thuở nghêu ngao đầy, (4).
Gà vịt nào hay sám sửa nhẹ !
Thói xấu xưa nay bia miệng thế,
Các ngài áo mảo lóng tai nghe.

NGHÈ CỘNG TỐI NHÀ, CHĂNG GÀ THÌ VỊT

Lạ chi nghè cộng tối nhà ta,
Đá tối đâu sao khôi vịt gà.
Tai quái rước chi tướng áo mảo, (5)
Rượu chè thế phải lựa tơ già. (6)
Vanh vang cho thỏa lòng ông cụ,
Chiu chít thêm buồn nỗi mẹ cha. (7)
Sung sướng phuốc đói dành phuốc cả,
Nở nào chó cắn ní con ra ! (8).

(1) Mười hai mụ bà mười ba mụ bóng. (2) Linh đình một chiếc thuyền tình, mười hai bến nước gởi mình vào đâu
(3) Sách Tàu : Nhơn sanh già thiên địa chi quá khách : loài người là khách đi đường trời đất. 4) Bảng cọp rồng là bảng tần si (Long hô bảng). 5) Nhà bay tai vịt tai gà, năm ba ông cộng tối nhà thì mua 6) Vịt già gà tơ. 7) Cha gà mẹ vịt chít chiu. (8) Khi vui thì vỗ thì vể, đèn khi chó cắn lại kể con ra.

VOI NGƯA VỀ TÀU CÚT ĐÁI ĐỀ ĐÂY

Bao nhiêu thua sút tự xưa nay,
Vui ngựa về Tàu cút đái đây.
Rầm rột bánh yên Nam cổng sạch,
Nghênh ngang khai thúi Bắc thửa đây.
Người sang thêm rực oai vua chúa,
Mình yếu nên cam phận tó đây.
Bia miệng đẻ đời đau đớn nhẽ.
Rửa sao sạch tiếng nước dơ này ?

ĐỒNG TIỀN LIỀN VỚI RUỘT

Nắn đúc khen ai khéo đẽ tiền,
Làm cho thiên hạ ruột nên liền,
Thịt xương sống thác nhòe nhỉ dī, (1)
Máu mủ thân hơi dính tự nhiên.
Anh (2) nếu sa tay thà chết cỏ, (3)
Thần (4) còn chiểu mạng chả chơi tiền. (5)
Kè kè một túi vai mang nặng, (6)
Nước lá người dung cũng quyền riêng.

1) Nhục bạch cốt nhí sanh từ nhơn : xương trắng làm cho có thịt lại. Người chết làm cho sống lại, là nói ơn nghĩa nặng lắm. Lại có bài phú thần đồng tiền rằng : sinh khả sứ sát, tử khả sứ hoạt ; phàm kim chi nhơn, quí tiền nhỉ dī: nghĩa là sống khá bảo thác, thác khá bảo sống; người đời nay quí tiền mà thôi. Câu thi đó là hóa hai diền làm một.

2) Bài phú thần tiền gọi tiền là « Không huynh » : anh có lỗ.

3) Mắt đồng tiền kiêm chết bụi cỏ

4) Bài phú thần tiền : Tài thần chiểu mạng : tiền cũng có thần.

5) Chơi tiền không bằng giốn tiền.

6) Vai mang túi bạc lè kè, nói quầy nói quá người nghe rầm rầm.

DƯỢC BUỒI CỠ, LỐ BUỒI CÀY.

Sắp ngửa cuộc đời mặc rủi may,
Lố cày được cỗ vẫn xưa nay.
Vừa chầu thịt cá cho đầy túi,
Bỏ luống công trâu mất nửa ngày.
Khó nỗi chia thân theo tắc bóng, (1)
Khôn vừa lõ miệng bận hai tay. (2)
Từ sau cò bác ai mòi cỗ,
Xin hối chờ tôi lúc thả cày.

DÀI MỎ KHÓ KIỂM ĂN

Mỏ dài một lử đứng cần rắn !
Vì nó nên tau khó kiểm ăn !
Hơn tắc già phân tro giật giật, (3)
Gáp đâu trật đầy chất thăn lăn. (4)
Nhọc nhằn, chim chích, không vừa miệng, (5)
Đá đậm, bầu câu, phải cắn răng. (6)
Vạc ồm đà dành, cò chả béo, (7)
Nhờ trời nước đục để xung xăng. (8)

- 1) Sách Tây Du nói ông Tề Thiên Đài-Thánh có phép chia thân ; trong một lúc đi được đôi ba chỗ, làm được năm ba việc.
- 2) Nhứt khẩu lụy thiên kim : một lỗ miệng làm khó hai tay.
- 3) Xứ tôi kêu con chim giật giật; có chỗ kêu mỏ nhát. Tiếng tục nói : tro mỏ nhát, vì mình nó nhỏ mà mỏ dài.
- 4) Con thạch sùng, xứ tôi kêu con thằn lằn, & Bắc kêu là con lười mồi ; còn xứ tôi kêu con bồn cẳng bằng con rắn mồi, thì người Bắc lại kêu là con lằn.
- 5) Chim chích mà ghẹo ông Nông, đèn khi nó mò lạy ông tôi chửa.
- 6) Bồ nông ngã sắp, bầu câu đá đậm
- 7, 8) Đục nước béo cò.

NƯỚC, VUA

Xưa nay gọi nước của vua rồi,
Sông thác nên hư bỏ mặc đời,
Nước vốn ông cha chung khoảnh đất,
Vua là chủ tịch của đương thời.
Chùa làng không dễ sự quơ sạch,
Ruộng tảo nên nhường trướng kỵ thôi.
Hiểu dạng nghĩa đen hai chữ ấy,
Trăm năm còn tỏ nghĩa vua tôi.

ANH EM LÀ RUỘT LÀ RÀ

Vợ chồng thân thiết nghĩa cùng già,
Phải biết anh em vốn ruột rà.
Hai cái quần bông thường dính chất (1)
Một đùm máu mủ khó lôi ra.
 Tay khùng không nỡ dao cùm cắt, (2)
 Da lộn nên đem thịt bỏ ra. (3)
 Trên gối lấm người tai mồng mèo, (4)
 Làm cho rể ngỗ lại chia nhà.

VỢ CHỒNG NHƯ ÁO, CỐI RA THÌ RỒI.

Uống vậy câu này uống quá thời !
Vợ chồng như áo cối thì rồi,
Kết đòn kết lứa rằng trăm tuổi,
Mở cắp mó ba chí một thời.
Kê chán người ưa còn lấm khát,
Mai thay chiều đổi biết bao ngì.
Lòng đời bạc bẽo tình xương thịt,
Nên nỗi người xưa ví mấy lời.

- 1) Ba ngạc giao huy : anh em như bông công dính nhau thêm sáng.
- 2) Ai cầm dao cắt ruột cho đành.
- 3) Thịt bỏ ra da bỏ vào.
- 4) Chầm đầu tè ngủ : Vợ chồng nói nhả trên gòi.

HỌC THẦY KHÔNG TÂY HỌC BẠN

Học bạn thì nên tự thủa nay,
Học thầy so lại gầm không tày.
Lạnh lùng cửa tuyết lời khôn cạn, (1)
Ấm áp nhà lan dạ dẽ bày. (2)
Thợ cả chỉ cho khuôn rập sẵn, (3)
Vai ngang càng lâm kén to dày. (4)
Những người tuổi trẻ khôn so sánh,
Lựa bạn nên chăm trước c lựa thầy.

LUẬN VUA TÔI.

Năm luân đứng trước nghĩa vua tôi,
Trên dưới từ xưa sẵn định ngồi.
Thống trị cầm quyền thay mặt nước,
Khuôn tượng ra sức đỡ tay trời.
Ù, è Thuần Võ cơn trò chuyện ; (5)
Mời mọc Thương Châu lúc đứng ngồi. (6)
Cao thấp vì ai, phân quá bậc ?
Lạt như nước lâ, đục như voi !

LUẬN CHA CON.

Năm luân trọng nhất đạo cha con,
Tư hiếu hai bèn phải vẹn tròn.
Che chở trăm dang xuân ấm cỏ,
Báo đền muôn kiếp đất bồi non.
Cha nào ép tiề con vay trả,
Con nỡ lìa già lúc yếu gion.
Đan đát vì ai, thêm quá lê,
Làm cho mất cả tấm lòng son.

- 1) Sách Tàu : Ông Dương-Thi học với ông Trình, đứng hầu trước cửa, tuyết xuồng hơn thước mà chun chàng rời một tấc, người thời sau gọi nghĩa thày trò rằng : Trình môn lập tuyết. 2) Giữ thiện nhơn cư, như nhập chi lan chi thất, ở với người lành như vào nhà lan thơm. 3) Đại tướng giữ nhơn dĩ quy củ, bất năng sử nhơn xảo : thợ cả cho người khuôn rập, không làm cho người khéo được. 4) Tình anh em bạn sách Tàu gọi là tơ kén, Tiếng ta nói: chày ngày dây kén. 5) Đời Đường Ngu vua Thuần vua Võ, vua tôi nói chuyện với nhau, ừ è như người nhà 6) Đời nhà Thương, nhà Châu, quan lớn vào chầu, vua mời ngồi.

LUẬN ANH EM

Năm luân thứ giữa đạo anh em,
Kính mến hai bèn phải vẹn tình.
Lớn nhỏ nương nhau tre mồi vững,
Cuống bèn dính chắc búp thèn xinh.
Lạ lùng ! tuổi bé tay nâng níu,
Trắt tréo ! thây to nước lạnh tanh.
Vì đạo vợ chồng đúng lời nhỉp,
Làm cho luân ấy cũng xiêu màn !

LUẬN VỢ CHỒNG

Thứ bốn năm luân đạo vợ chồng,
Trăm năm thề ước hẹn non sông.
Chim đồi cá cặp cùng vui vẻ,
Gió kép mưa đơn đẽ cay cùng.
Nhà cửa trong ngoài nương dựa chắc,
Anh em cha mẹ kính nhường chung.
Tiền tài ngày nặng, ân tình bạc,
Còn mắt luân này có/cũng không !

LUẬN BẠN BẦU

Năm luân đứng dưới bìn cùng hẫu,
Tin kính hai đồng chửa dẽ đâu.
Lừa lọc trăm lần vàng thủ chắc,
Hẹn hò một tiếng biển ghi sâu.
Phải đâu tửu nhục vui qua miệng,
Cũng gọi chi lan mộng đỡ đâu.
Bạc bẽo lòng người xương thịt nát,
Thương ôi luân ấy mất đà lâu !

ĐẠO VUA

Xưa nay khó nhứt đạo làm vua,
Tài đức gồm hai thề mới vừa.
Gánh nặng đàng xa khôn tránh trú,
Ngồi cao té rặng dám thừa tra.
Chủ tàu khó nỗi trông buồm lái,
Sải vải từng thèm đóng cửa chùa.
Chuộng sī yêu hiền quên thế vị,
Lánh xa đê nhứt tiếng a dua.

ĐẠO TỘI

Xưa nay khó nứa đạo làm tội,
Yêu nước thương vua vẹn cả đời.
Trắng trèo gìn lòng trong tơ tuyết,
Phanh phui bô thói bạc như voi.
Đánh chung hòa mặt mang ơn nước,
Tro bụi liều thân trả nợ đời.
Đất cát ông cha chung để lại,
Nở nào mượn iốt để ăn chơi.

ĐẠO CHA

Thế gian khó nhứt đạo làm cha,
Truớc phải lо sao sạch thói nhà.
Khuôn rập để in từ thuở bé,
Méo tròn làm mẫu bởi mình ta.
Nguồn trong lượt ít dòng thêm sạch,
Nêu vạy dơi đâu bóng cũng tà.
Mẹ cú con tiên chưa mấy thuở,
Rồi ra trách thiện lại lìa xa.

ĐẠO MẸ

Con thì cha dạy vốn không sai,
Từ mẫu cõng lao cũng sánh vai.
Bé cậy ấm bồng hay tập tánh,
Trẻ nhờ phước đức mới nên tài.
Rau nào sâu nấy từng trong chắc,
Cú đẽ uiên sa dẽ mấy ai ?
Khôn dại đục trong mình chuốc cả,
Dạy con xin dạy thuở trong thai. (1)

ĐẠO CON

Kể chi cho xiết đạo làm con,
Báo bở xin chăm lúc sống còn.
Hùm dữ nỡ rào ăn thịt trẻ,
Quạ lành còn biết sún mồi ngon.
Giàu mâm cá thịt thêm vang vẻ,
Khó miếng rau canh cũng vụn tròn.
Cá giá, nầm đồng, ai ép uỗng,
Thảo chǎng thèm chút tí lòng son.

ĐẠO ANH

Thể gian nặng triệu đạo làm anh,
Thường biển hai bên phải rõ ranh.
Cha mẹ còn trên èm thú lớp,
Cửa nhà lâm biển phải quyền hành.
Coi em như trẻ đừng thiên vị,
Thị của tà tro chó ghê ganh.
Những tiếng kè tai xin vứt sạch,
Trước sau cho trọn nghĩa hiền lành.

1) Sách Tàu có chữ thai giáo, là nói mẹ phải ăn ở hiền lành, truyền tích lớp lại cho con, ấy là nghĩa dạy từ thuở trong thai.

ĐẠO EM

Đạo em kính thuận phải ghi sâu,
Thường biển so đo đủ mọi câu.
Cha mẹ còn trên thờ gác cánh,
Cửa nhà lâm biển để tay đâu.
Trăm bể rủi phải thua đói thí,
Một nhịn càng thèm tốt cả bầu.
Tiền của làm ra, xương thịt khó,
Kẽ tai mẩy tiếng vứt đâu đâu.

ĐẠO CHỒNG

Làm trai phải biết đạo làm chồng,
Dạy vợ từ khi tiệc rạng đông.
Khiến đó khiến đây bày đủ nết,
Tiếng to tiếng nhỏ chạm vào lòng.
Của tiền đâu mẩy tay khoanh chặt,
Nhan sắc bao nhiêu bụng vũng tròng.
Vàng đá trăm năm chung giữ chắc,
Mày râu đừng thẹn tiếng đàn ông.

ĐẠO VỢ

Đạo vợ xưa nay có dẽ đâu,
Dở hay từ thuở mới làm đâu.
Trên còn cha mẹ nên nhường nhịn,
Dưới có anh em cũng bạn bàu.
Minh cạn so đo thêm lúng túng,
Người khôn cặn kẽ ít câu mâu.
Cửa nhà êm ấm chồng danh tiếng,
Lịch sự cho mình lịch sự đâu.

ĐÀO VỢ CHỒNG

Phải biết xưa nay đào vợ chồng,
Xuống tùy đứng chuốc tiếng hư không.
Chồng khôn dạy vợ khi thơ ấu,
Vợ giỏi nhường chồng đám đảo dòng.
Cha mẹ chiều lòn chồng về lối
Anh em xoi móc vợ chưa lòng.
Trăm phần tình nghĩa mười phần đục,
Vàng đá trăm năm vẫn chửi đồng.

ĐÀO BẠN BẦU

Đá vàng trước đã thử trăm vòng,
Một tiếng thè nhau phải giữ trong.
Cá thúi xa hơi, lan để nhuộm, (1)
Rượu nồng bỏ thói, nước thêm trong (2).
Nên hư khôn dại nhờ trăm nỗi,
Sóng chết hèn sang giữ một lòng. (3)
Nước lá rời thâm hơi máu mủ,
Năm luân đừng thẹn đừng vào trong.

NHÚT SÝ

Nước ta nhút sý bởi sao phân,
Danh vọng bao nhiêu gánh cũng cân.
Đức hạnh vẹn toàn thay đạo giáo,
Kinh luân gồm đủ giúp vua dân.
Phải đâu áo mảo khoe hàng họ,
Đặng đến xuân thu xí cõ phần ?
Ai có ham danh xin nhớ nghĩa,
Hờ hênh sụp cả dưới hang Tần.

- 1) Giữ thiện nhơn giao như nhập chi lan chi thắt, giữ ác nhơn cư như nhập bào ngư chi tự cứu tất giữ chi cứu hóa hỷ : ở với người lành như vào nhà chi lan thơm, ở với người dữ như vào hang cá bào ngư thúi, lâu ngày cùng hóa quen cả thơm thúi, cũng ví như anh em bạn. 2) Quân tử chi giao đậm như thủy, tiêu nhơn chi giao cam như lệ: Quán-Tử làm bạn như nước lá, lạt mà được lâu, tiêu nhơn làm bạn như rượu nồng, ngọt mà mau phai. (3) Nhứt từ nhứt sanh nãi kiền giao tình nhứt quý nhứt tiễn, giao tình nái hiện : sông thác hay là sang hèn, cảnh ngộ có thay đổi mới biết lòng bạn.

HAI NÔNG

Giúp đỡ loài người chắc một vai,
Thói nông thuần hậu gặm không sai.
Cơm n'è áo vợ tùy theo thuở,
Của ruộng công trâu chảng cướp ai.
Lợi đắt ít nhiều nhờ cấy gặt,
Bầu trời no đói cậy chiều mai.
Quê cha đắt tổ châm gìn giữ,
Phân bực nên chi đẻ thứ hai.

BA CÔNG

Công nghệ nhơn dàn thiểu dè cà,
Đồ chi cũng bời đầy sinh ra.
Một người thân đủ trăm vành cagy,
Muôn kiếp công trùm bốn biển xa.
Biết mấy khôn ngoan giùm tể đờ,
Còn hiềm mày móc nhảy xa la.
Trăm phần lợi dụng đồi phần tệ,
Phân bực nên chi đẻ thứ ba.

BỐN THƯƠNG

Trong thế không thương gặm gió chơi.
Nghề buôn cũng lầm giúp công người.
Của nòng đồ thợ nhờ chuyên chở,
Chỗ có nơi không cậy đổi dời,
Tráo đầu lường cân hiềm xấu thói,
Chấp tóm vá cá khuấy hồi đời.
Đua nhau chiết cạnh nòng công lõ,
Phân bực nên chi đẻ chót thói.

QUÊ CHA ĐẤT TỒ

Dầu ai ngang dọc cả bùu trời,
Đất tổ quê cha cũng có nơi.
Tắc cổ ngọn rau từng lấm thuở,
Chôn nhau cắt rốn biết bao đồi.
Trăm năm sống thác nhờ che chở,
Muôn kiếp cao xanh khó đổi đổi.
Nợ nước ơn non chưa dẽ trả,
Phụ phàng sao nỡ ói !

CƠM VỚI CÁ, KHÔNG BẰNG MẠ VỚI CON

Thế gian cơm cá vẫn rằng ngon,
Gặm lại sao bằng mạ với con.
Mâm rộng cõi đầy khòn đán đẽ,
Đè đau mang nặng dẽ vuông tròn.
Mùi đời sung sướng đầy tro bụi,
Nghĩa biến sâu dày tỳ núi non.
Mặn lạt một ngày nuôi dưới gối,
Đảnh chung đừng đổi tăm lòng son. (!)

DẦU TẶNG BÀ GIÀ

Ngầm nghiên chí tôi ói mẹ ôi,
Nợ đời vay trả chắc đây rồi !
Xưa kia lấm thuở bà hành mẹ;
Nên nỗi bây giờ mẹ báo tôi.
Vặn nhặt vặn khoan không chõ hở,
Bắt tròn bắt méo đủ bè thội.
Nhờ trời mai mốt tôi già lại,
Kiếm một con dâu để hả hơi !

- i) Cỗ nhân nhứt nhứt dưỡng bắt giữ tam công hoán: người xưa một ngày nuôi mẹ dầu cho tước tam công cũng không đổi.

BÀ GIÀ HỌA LẠI

Bà khéo lôi thòi giọng bắt càu,
Nào ai dám động cẳng bà đâu !
Người sao lầm phuốc đâu thờ mẹ,
Tôi khéo vỗ duyên mẹ từ đâu.
Mới bước vào nhà chưa ráo cẳng,
Đã toan mặc áo muốn qua đầu.
Coi đây em đãy xay vừa ấm, (1)
Cơm người canh khẽ đứng nói lâu.

CÚ KÊU MA ĂN

Tro tro mắt cú dại chưa cà,
Kêu chẳng được ăn chỉ sướng ma.
Dốn dác đêm khuya khua mõ quáu,
Phanh phui diên tiệc béo thây tà.
Sự đầu không biết thâu trùn dẽ (2)
Độc miệng làm oan mạng vịt gà. (3)
Ma có thương đâu chim ghét cả,
Ban ngày mấy thuở rút đầu ra.

TRÚNG SÒNG ĐẦU, BÁN TRÂU MÀ CHỊU

Cờ bạc xưa nay kẻ bán trâu,
Rặt anh vô phuốc trúng sòng đầu.
Thò tay dở thử vor con cái,
Quen ngón chơi dai trại bỉnh bầu.
Nấm chén chỉ mong thời đỏ mai,
Sứa chuồng khôn gở vận đen đâu ! (4)
Què lành sạch ráo thường chưa đủ (5)
Cửa đẽ ngoài sân đặng mấy lâu. (6)

- 1) Bồng em khỏi xay lúa, xay lúa khỏi bồng em.
- 2) Chim loan chim phượng đi đâu, đẽ cho chim cú sự đậu nhành mai. 3) Cú kêu thì độc miệng cú.
- 4) Mắt trâu mới lo sứa chuồng. 5) Trâu què thường trâu lành. 6) Cửa làm ra đẽ trên gác, cửa cờ bạc đẽ ngoài sân, cửa phù vân đẽ ngoài ngõ.

NUÔI CHUNG VOI VỚI ĐỨC ÔNG

Quyền phép còn ai quá Đức Ông,
Ham voi lầm kẻ chực nuôi chung.
Thăng nài hòn sóm nhờ khuyên nhủ, (1)
Bã mía khò tươi giữ gánh gồng. (2)
Mong chút lợi mười hòn vốn mệt, (3)
Quản bao kẻ của lại người công. (4)
Bành vàng chưng sẵn trông xinh mắt,
Dại chó trèo lên bắt đóng gồng.

MỀM NẮN, RẮN BUÔNG

Mềm, rắn, xưa nay dễ mó sờ,
Nán, buông, thế tục khéo tùy cơ.
May thì bột bún mèo vò kỹ,
Rủi nhíp sành chai chó ngửi lơ.
Hai chắt đành cành làm mấy thuở,
Đôi tay luyện tập thạo bao giờ.
Đời này còn lầm vòng tranh cạnh,
Mặt mồng kia ai chó hỏi hờ.

MẠNH SỐNG, BỐNG CHẾT

Mạnh bống nhân gian vẫn mệt phòn,
Xưa nay sống chết bởi hai môn.
Dang tay bặm miệng thằn kiêng vía,
Cúi tróc gài tai quỉ hớp hòn.
Trời rộng lạy nhường đầu cứng đei;
Đất dày chực sẵn mặt mềm chôn,
Gương đời trước mắt tro tro đó,
Mấy triệu xin so nỗi đại khôn.

- 1) Người giữ voi công gọi quản tượng, người giữ voi tư gọi thằng nài. 2) Voi ăn bã mía. 3) Một vòn mười lời.
4) Kẻ có của người có công.

PHƯỚC BẮT TRÙNG LAI, HỌA VÔ ĐƠN CHÍ

Ai cầm cân tạo khuấy nhàn gian ?
Phước bắt trùng lai, họa bắt đan.
Cõi hạc lưng không tiền dính sót, (1)
Làm lươn đầu đã lầm bồi tràn. (2)
Chì chài được cả trời gai mắt, (3)
Kiến cá ăn nhau đất sướng gan. (4)
Cửa phước chen chàm, hàng họa ế,
Bèn cao bèn hạ chảnh cản bàn.

CỦA LÀM RA ĐÈ TRÊN GÁC

Ba loài phải biết cửa gian nan,
Đè gác nên toan cách giữ giàng.
Mười ngón tay xoay nên nổi nước, (5)
Trăm năm lạt buộc cắt đầu giàn. (6)
Mồ hôi đè lấm khi lau mặt, (7)
Máu mủ thà mang tiếng đóng tran. (8)
Có đè có thương vì khốn khó,
Ai hay giữ kỹ chẳng tiêu càn. (9)

CỦA CỜ BẠC ĐÈ NGOÀI SÂN

Cửa có ba loài phải biết cân,
Cửa cờ cửa bạc đè ngoài sân.
Được giàu, thua chịu sòng dù tốt,
Mai đó, rầy dây, cửa chó gần.
Khuất mắt, trời thây giao chó giữ,
Ăn đầu quen ngón bán trâu d n. (10)
Cơn vui rồi có cơn buồn tối,
Cướp cạn xưa nay được mấy lần.

- 1) Yêu triền thập vạn quán, kỵ hạc thượng Dương Châu : Nghĩa là lưng cột mười vạn quan, cõi hạc đèn tỏi Châu Dương, ý nói phước gì cũng được cả 2) Thân lươn bao quần lầm đầu, 3) Được cả chài cả chì. 4) Cá ăn kiền, kiền ăn cá. 5) và 6) Cửa người bôn bát, cửa mình lạt buộc. 7) Cửa mồ hôi nước mắt. 8) Thiều một thì đóng tran mà thờ. 9) Con có đè có thương. 10) Ăn sòng đầu bán trâu mà chịu,

CỦA PHÙ VÂN ĐỀ NGOÀI NGÔ

Có giàu bao thuở của phù vân,
Đề ngô nên toan cách sơ lần.
Bước tới đâu chàng đà vớặng,
Phía trong cảnh công chờ đem gần.
Chó mây tiền hóa tan đâu bắt, (1)
Ngựa ải hú không được chả cần. (2)
Họa phuốc nên hú đâu đã chắc,
Xưa nay ai hiểu mây tiền thản.

ĐƯỢC CẨM CHÀI CẨM CHÌ

Người đời vận đỗ một hai khi :
Được cả chài thêm được cả chì.
Đôi thước chớp dài quơ sạch nạo :
Mấy cân đầy nặng vớ luôn y,
Bụi tre ai muốn dần lòng vải ; (3)
Đảng lộ ta quăng mặc sức đi. (4),
Nhiều kẻ chì mòn may cũng khá,
Bóc chài nên lầm thói tham si.

- 1) Thiên thượng bạch vân như bạch y, tu du hốt biền vi thương cầu, nghĩa là : mây trắng trên trời như áo trắng, một chốc đổi ra làm chó xanh. Ý nói đổi thay đổi không thường. 2) Tài ông thất mã, họa phúc nan tri : ông ở ải mây ngựa, họa phuốc khó biết (ông ải mây ngựa sau ngựa tự nhiên về, lại đem về một bầy ngựa nữa).
- 3) Cầm chài vải bụi tre, 4) Nhẹ như bát lót mãi không đi, nặng như chì quăng đi lóc lách.

GÀ CHẾT GÀ MỒ DIỀU

Thể gian có mắt thứ trong gà;
Con chết còn con đứng mồ cà.
Vẫn trái cỗ đèn nằm ịch đáy,
Ních ngang hẫu chúa kéo lôi ra.
Thèm ba hột thóc bầu thiền hạ;
Quên một màu lòng máu giồng nhà.
Thôi đặng bùa nào xào bùa ấy,
Chiều mai nhấm mắt mặc người ta.

TRĂNG LU VÌ BỞI CHÒM MÂY (1)

Mây thuở trăng lu dến nỗi này,
Xúm chòm khuấy khoá trách vì mây.
Bóng trong tuyết rạng lâu bay mặt,
Áo trắng muông xanh đồi trời tay. (2)
Một tâm lòng gương trời đất tổ,
Trầm hình thói gấm nước non đây.
Xưa nay trung nghĩa vương tai nạn,
Cũng bởi gian tà khuất lấp đây.

NƯỚC ĐÊN TRÔN MỚI NHẤY

Thể gian đã đặng mẩy người khôn,
Biết nhảy thì đã nước dến trôn.
Lút căng dẽ người chờ mẩy thuở,
Co chân rán súc hoảng ba bồn.
Trời thanh hơ hết đâu rợp lụt,
Đất rộng mênh mông khó kiểm cồn.
Giặt mệt quen hơi nên dến nỗi, (3)
Thay lười chắc phú cá tôm chôn.

- 1) Trăng lu vì bởi chòm mây, người trung mạc nạn vì tay gian tà. 2) Thiên thường bạch vân như bạch y, tu du hốt biển vi thương cầu : nghĩa là mây trắng trên trời như áo trắng, một chốc đồi ra làm cho xanh. Ý nói đời thay đổi không thường. 3) Đám đò giặt mệt.

KHÔNG THAM BỎ LÚA ANH ĐẦY THAM BA HÀNG CHỮ LÀM THẦY THẾ GIAN

Bồ anh đày lúa da không màng,
Em chỉ tham anh chū mấy hàng.
Chán chõ mèo nằm vun xún xún, (1)
Yêu nơi chó sữa tiếng chan chan. (2)
Oai quyền hột thóc to bao tí, (3)
Danh giá câu văn quý mấy vần. (4)
Nghien ruộng bút cày trói ngó lại,
Vinh hoa bỏ kiếp gỗ đầu cùn. (5)

GÀ DỄ GÀ CỤC TÁC

Chối cải làm chi ó mẹ gà ?
Xưa nay gà đẻ lại gà la.
Thời lòi trên ổ heo nhai trứng,
Tết lết ngoài mồm chó sữa mía.
Bươi bếp (6) nghẽ xưa khôn gở chải,
Mồ điếu (7) thoi xấu khéo qua loa.
Cũng vì chiu chít bầy con đáy, (8)
Chanh lá (9) rồi đây sẽ biết ta.

- 1) Mèo nằm bở lúa khoanh đuôi, anh thua cờ bạc đuôi ruồi không bay. 2) Chó làng Vé sữa ra chữ, chó làng Nhứ sữa ra thóc (Tục ngữ Bắc). 3) Thân thê đồng tiền, oai quyền hột thóc. 4) Thế gian vô giá thị văn chương : trong đời có văn chương là vô giá. 5) Thầy gỗ đầu trẻ.
- 6) Gà mình bươi bếp mình. 6) Gà chêt, gà nọ mồ điếu. 8) Chiu chít như bầy gà mít mẹ. 9) Con gà tục tac lá chanh, con heo ụt ịt mua hành cho tôi, con chó sữa đứng sữa ngồi, ông ơi ông hỡi cho tôi đồng riêng.

MÈO KHEN MÈO DÀI ĐUÔI

Thà thươt trong đòi gầm ít ai,
Mõ khen cho mõ cái đuôi dài.
Ngòi lòn dưới bụng chừng vừa úc,
Đứng vắt lên lưng đọ quá vai.
Ía bếp nhiều lần ngong vắt vedo, (1)
Nầm bồ lấm thuở cuồn khoanh nài.
Ngoắt chơi rủi phải nồi rang bể, (2)
Nào có ai đâu nở cắt tai. (3)

TRẢI CHIẾU DẸP DO'

Nhà sao nhóp nhúa đẽ tro tro?
Trải chiếu còn toan thói lảng lờ.
Lắm lúc chủ lười nên tối nỗi,
Gặp con khách đến phải tùy cơ.
Dở ra càng thúi thêm mang tiếng,
Dập lại cho qua cứ giả lơ.
Khuất mắt chẳng qua tùy miệng thế, (4)
Biết đâu là sạch biết đâu dơ (5)

ĂN CÁM TRẢ VÀNG

Nợ thế nhiều khi đất gó'm gang,
Khi ăn thì cám, trả thì vàng!
Sàng, giần giặt lại hối vài miếng,
Thoí nén trao ra dáng đủ đường.
Mắm muối vì mang mòm kẻ khố, (6)
Thép gang nên mắc miệng người sang. (7)
Canh rau giữ phận đừng hơ hỏng,
Ngậm ngọc xin chừa tiếng vè vang.

- I) Chưa biết bắt chuột đà biết ia bếp. 2) Con mèo xáng bể nồi rang, còn chó chạy lại mà mang lày đòn.
3) Mèo lành ai nở cắt tai, Gái ngoan chồng đê khoe tài nồi chi. 4) và 5) Khuất mắt là sạch biết đâu sạch.
6) Mòm nhà nghèo ăn mắm ăn muối hay nói dại.
7) Miệng người sang nói có gang có thép.

CHUỘT BẦY ĐÀO KHÔNG NÊN HANG

Lúc nhúc ghê cho lủ chuột bầy !
Đào hang coi bộ ngó trẩm trầy.
Cắn đuôi lít chít nghe đồng miệng,
Bày mặt xoi moi gầm ít tay.
Dọn lối đành thua ba ngách thỏ, (1)
Tìm lù còn kém một thân nhây.
Rủi thì chó đuối không đường chạy,
Núm cổ loi nhoi mệt xách đầy,

GIÓ NON THỒI CÁNH BUỒM THUYỀN COI EM LẠU LẠU MÀ DUYÊN KHÔNG CÒN

Gió non thổi chêch cánh buồm thuyền,
Lại lau coi em mắt tí duyên.
Heo hắt còn đeo hơi thiều nữ, (2)
Lặng lờ cùnng hông nết thuyền quyên.
Mây mưa lầm buồm khôn ngăn đón,
Lèo lái vì đâu vụng giữ giềng ?
Bến nước mướt hai nghe đầy hử,
Cẩm sào đừng để khách quoeyên.

ĐỤC NƯỚC BÉO CÒ

Chợ khuấy vì đâu nỗi bụi tro ?
Xui nêc nước đục béo thây cò.
Lờ mờ mắt cá khôn đường lại,
Láo liền chân trâu để lối mò.
Dài mò dẽ nào khăn khó māi, (3)
Cao chon càng chóng đầy đà cho.
Trong không trối mặc ai lo liệu,
Ruộng rộng đâu ta thẳng cánh đo. (4)

- 1) Sách Tàu : Giảo thô hưu tam huyệt, nghĩa là : con thò liềng có ba ngách (hang thò thường thường có hai ngách thôi).
- 2) Thiều nữ : gái tờ, sách Tàu gọi gió xuân còn non là gió thiều nữ.
- 3) Dài mò khó kiềm ăn 4) Ruộng cò bay thẳng cánh.

EM THƯƠNG ANH MÀ CHA MẸ CHẮNG TRAO HÒN ĐÁ DĂN BỤI CỎ BIẾT LÀM SAO BÂY GIỜ

Thương anh không trót bởi hai thân,
Bụi cỏ làm sao nỗi đá dǎn?
Một sợi tơ xe loi mẩy mỗi,
Tắc lòng xuân ép nặng trăm cân. (1)
Đội đầu ân nghĩa chõng non nước,
Gính lá tình duyên phủi bụi trần. (2)
Đành phận liêu bồ luồn dưới gối,
Thói nhà bia đá dám lẩn dẩn.

HAI TAY CẦM LẤY TRÁI BÒNG SE SE MUỐN GỌT SỢ LÒNG MẸ CHA

Se se muốn gọt mới cầm bòng,
Cha mẹ còn trên sợ chút lòng.
Thầu ruột mùi chua vẫn vọt mãi,
Đội đầu ơn thấm nể nang lòng.
Bulong dao chảng nở, mồm còn giãi,
Dàn đá không hề dạ cũng long.
Cỏ chưa đền xuân dương vướng gió,
Bên tình bén hiếu nhắc chưa xong.

ĐÔNG TÂY VÔ NÊN BỘP

Trăm việc hai tay khó nỗi trông,
Làm cho nên bộp phải tay đông.
Nhiều bàn xúm lại cho chung rập,
Một tiếng kêu lên đã lạnh lung.
Sảng vía hùm beo kinh chạy Tân,
Giật mình cò quạ hoảng bay bùng.
Xưa nay góp gió làm nên bão,
Muôn vạn xin ghi một chữ đồng.

- 1) Nan tương thôn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy (khó đem lòng tức cò đến bồi âm ba xuân): là nói khó đền ơn cha mẹ. 2) Kinh trán thè nhược thảo (một chút bụi trán mỏng mèo gính trên lá cỏ) là nói kiếp người đời mỏng mèo như thè.

ỐC MÀNG KHÔNG NỒI ỐC CÒN MUỐN MÀNG CẢ CỘC RÊU

Sức ốc xưa nay có bấy nhiêu,
Mang mình không nổi muối mang rêu.
Cứu chừng nấy vỏ nên cam cực;
Cổng cả vừa đùm khéo trót trêu !
Ruột quặn mẩy lần vì rắn rõ,
Vẩy thừa một cái cũng lêu bêu.
Rủi thì trật cục trôi vào bãi,
Lê lưỡi đưa tròn cú chịu liều.

ĐEM EM MÀ BỎ GIỮA GÀNH KÉO NEO MÀ CHẠY SAO ĐÀNH CHÀNG ƠI

Sao nõi đem em bỏ giữa gành?
Kéo neo mà chạy, chạy sao đành?
Bốn bề đá phủ thương thay phận!
Một cánh buồm bay thảm mẩy tình!
Má phấn phú theo làn sóng bạc;
Lèo mây trông tận ngọn trời xanh
Thề non hẹn nước còn tro đây,
Duyên nợ vì ai phũi sạch sanh.

ĐÔNG MẸ CỘN KHÓ LẤY CHỒNG

Có sao nên gái khó tìm chồng?
Cũng bởi vì mang tiếng mẹ đồng.
Thằng mít thằng xoài đưa chyon kén;
Tuổi trâu tuổi ngựa cải bao đồng.
Tôi lui choán mãi ba cùu chuyện;
Ưr hử lâu cho một tiếng « không ».
Mai chỉ một thời huyền tám tiết
Phúc đâu khôn thấy, cùi ngồi trống.

MẮT TRÂU MỚI LO SỮA CHUỒNG

Thể tục kia ai biết nghĩ sâu ?
Sữa chuồng thời đã mắt rồi trâu !
Bỉnh bâu bặt tích còn đâu nữa ?
Cổng phía ra tay bỗ thí nào ?
Việc có trải qua thêm sáng mắt,
Của không giữ trước phải điên đùa.
Xưa nay lầm nói khôn già lại,
Tuy vậy còn hơn đứa bô nhầu.

LÙA GIÓ BÈ MĂNG

Lòng đời còn lầm kẽ lăng nhăng :
Luồn gió lầm le tính bỉ măng.
Non súc eo vòi luồn dịp đấy,
Già tay ngọt ngon họa may chăng.
Măng mè quên cả câu làm lỗi ; (1)
Gió mây lừa nhau lúc khó khăn.
Mấy cùm tre già còn đứng đó, (2)
Đến khi nén gậy đánh nhăn răng (3)

CHUỒNG KHÔNG ĐÁNH KHÔNG KÈU ĐÈN KHÔNG KHÉU KHÔNG TỎ

Đèn tỏ chuồng kèu tự thuở nay,
Không khêu, không đánh lấy đâu hay.
Gác dùi phải chịu chìm tăm tiếng,
Hụt bậc nên khôn rõ mặt mà.
Miễn vắng, chùa không, thêm lạnh lẽo,
Đêm khuya, lửa tối phải lay quay.
Những trang nâng vạc người cầm đuốc,
Chẳng gặp gian nguy chẳng biết tay.

- 1) Lỗi làm vì mắm trích ve, vì rau muống luộc vì mè trộn măng : là nói ở đời oán thù do việc lặt vặt sanh ra. Sách Tàu Kinh Thi có câu rằng : « Dân chi thàt đức càn hẫu gi khiên » cũng ý ấy. 2) Tre già măng mọc. 3) Ba năm quân tử trồng tre, bảy năm nén gậy đánh que tiêu nhọn.

CON GÁI CHÙA HOANG

(Lặng vận : ôi, thoi, rồi, nỗi, xôi)

Ôi chao ôi ! đấy ! ôi chao ôi !
Cái kiếp hồng nhan đần thê thòi !
Đặng mấy thí xuân chơi cũng sạch ;
Biết bao nhiêu nức rửa cho rồi !
Trọt chi quá lối khòn dừng cảng,
Quay lại còn đâu đã bẽ nỗi. (1)
Miệng tục xưa nay coi dễ công, (2)
Chùa này ước đặng ít nhiều xôi ! (3)

NÉN BẠC ĐÂM TOẠT TỜ GIẤY

Tờ giấy nhà quan phải để đâu,
Khen cho nén bạc dám đâm nhầu.
Bằng cân đúng lượng vừa đem tối,
Tử tập hồ sơ đã lủng thâu.
Theo kịp lõi mồm mau quá ngựa, (4)
Kéo ra ngoài bút mạnh hơn trâu. (5)
Cho hay tiếng bạc tài không bạc,
Sát đá đầu ai cũng cui đầu.

- 1) Sách Tàu có câu rằng : Tảng gì phá bì, cò chi hà ích, nỗi đã bẽ rồi ngó lại ích chi. (Thí dụ việc đã hư rồi, tiếc cũng không ích. 2) và 3) Ăn xôi chùa công miệng,
- 4) Sách Tàu : Tứ bất cập thiệt. Tiếng tục ta : Sày móm ngựa theo không kịp. 5) « Nhứt tự đáo công môn, thiên ngưu khiên bắt xuất » nghĩa là một chữ đèn cửa nha, trăm trâu kéo chằng ra

GẦN CHÙA GỌI PHẬT BẰNG ANH

Lầm kẽ gần chùa dám tró tránh ;
Kìa nghe đã gọi Phật bằng anh.
Bên am cửa cách chừng ba bước ;
Trước án em xin tỏ tác thành.
Chăm chút nhà tôi khi đế đọ, (1)
Trông nôm trẻ cháu lúc tu hành.
Hai bên đây cũng vòng cõi bác,
Rảnh rái chè xôi gọi chút tình.

THẤY NGƯỜI SANG BẮT QUÀNG NHÌN HỌ

Thể gian kiêng nể lầm người sang,
Nhận họ nên chi mới bắt quàng.
Chú cổng anh nghè rồi bác tú ;
Quan phiên cụ thượng cả thầy bang.
Tuy không qua lại quên tên tuổi,
Nhắc kỹ gần xa vẫn chẽ tang.
Mai mốt tốt ngày thăm viếng cả,
Về đây mặc sức dẽ nghênh ngang.

CHỮ QUAN HAI CHỮ KHẨU

Chữ nghĩa khen ai khéo đặt bày ;
Chữ quan hai khẩu gầm thay lay.
Giăng dầu đã chắc nhò che chở ;
Thêm miệng nên sinh lám vặn xoay.
Nói hiệp, nói gian thêm đủ mục, (2)
Bắt tròn, bắt méo cả hai tay.
Ông ơi Thương hiệt ông hay chẳng ? (3)
Dại dột thà cam thói gút dây. (4)

- 1) Tục kêu vò bằng « nhà tôi ».
- 2) Cha mẹ nói oan, quan nói hiệp : muôn nói gian làm quan mà nói. 3) và 4) Từ ông Thương-hiệt bày ra chữ Tàu; chữ trước thì cứ gút dây làm dấu.

CHÁY NHÀ BÀY MẶT CHUỘT

Chuột kia giấu mặt kín xưa nay,
Vì cháy nhà nên mới chịu bay.
Nước lửa khóa trời khôn núp bóng ;
Ngách hang tung đất phải trời thây.
Ông tre nô toác tròng đâu nưa, (1)
Bồ nếp tan hoang đến nỗi này. (2)
Láo lién hai đầu khôn khéo mai, (3)
Cùng sào cung có bùa này đây. (4)

NÍCH XÔI CHÙA CÓNG MIỆNG

Gần chùa lăm chú khéo lội thoi,
Cóng miệng vì chưng ních lấy xói.
Hứng dưới tay sư còn dính oán,
Sờ lên gáy tờ đã sần mồi. (5)
Ít nhiều trót cũng mang ơn Phật,
Mặn lạt hơi đâu chuốc tiếng đời.
Áo bát kia ai khôn giữ ngón, (6)
Từ sau săn nếp choảng mười nồi.

ĐÁNH TRỐNG ĐỘNG CHUÔNG

Trống chuông vốn tự một thi sinh,
Đánh động xưa nay cũng thế tình.
Xác gỗ xoang tay đà cất tiếng,
Mặt mâm trêu mắt đẽ làm thịnh.
Biết bao tốn đầy tiền làng họ,
Nơi đẻ ngọt nhau tiệc miếu đình.
Áy kẽ cầm dùi xin sớm liệu,
Rút dây không khéo đỗ vùng vinh.

- 1) Chuột chạy ông tre. 2) Chuột sa bồ nếp. (3) Thủ thử lưỡng đoan : nghĩa là chuột chạy đầu quay cả hai phía (Người làm gì không nhất định gọi là đầu chuột).
4) Chuột chạy cùng sào. 5) Nói phải sờ lên gáy.
6) Phật truyền cho đệ tử chính tôn một cái áo lại một cái bát.

ĂN CÂY NÀO RÀO CÂY ẤY

Lẽ thằng sờ sờ tự thuở nay,
Thể đà ăn trái phải rào cây.
Xưa nay ngọt lạt vin cành ấy,
Hôm sớm chấm nom giữ cội này.
Mình trót đở mồm cơn tùng thiểu,
Lòng nào dứt rẽ lúc lung lay.
Rào thung ăn táo kia ai đấy, (1)
Núp bóng xin nghe mấy tiếng này.

MỎ MIỆNG MẶC QUAI

Thói thường kiêng nết quá xa sâu,
Vì mắc quai nên mỏ miệng đâu ?
Ngứa mép vừa ưa sờ đến gáy,
Cắn răng còn thí đội trên đầu.
Giây đà buộc cổ mình xe lở, (2)
Lưỡi vẫn không xương nó cứng lâu.
Dính dấp lưỡi đời vương vầy mãi,
Mặc ai kêu ngựa mặc kêu trâu. (3)

GIẠU NGĀ BÌM LEO

Quái gỗ loài chi khéo lụa eo !
Vừa ưa giàu ngā thấy bìm leo.
Gặp cơn gió tạt mưa sa tấp,
Sân nhịp dây ràng lá phủ theo.
Mả lạn bò lan quen thói cỏ ; (4)
Nước tràn khóa sét choanh hơi bèo. (5),
Rồi dây mai mốt xây vẫn lại,
Dứt gốc liền tay thấy héo quèo.

- 1) Ăn cây táo rào cây thung.
- 2) Xe dây buộc mình. 3) « Hô ngā vì mă giả ứng vì mă, hô ngā vì ngưu giả ứng vì ngưu » nghĩa là kêu ta làm ngựa ta làm ngựa, kêu ta làm trâu ta làm trâu. Nói cách nhện nhục. 4) Mả lạn thì cỏ chỉ bò lan. 5) Nước lụt tràn bèo khóa sét trên sen.

CHÙA RÁCH PHẬT VÀNG

Xưa nay ngó nghêch thói qua đàng,
Chùa rách hay đâu có phật vàng.
Mưa gió am xiêu tròng mắt già,
Nén thoi tượng đúc đẻ còn tang.
Lòng trần lầm kẽ so hình tượng,
Mắt tục nào ai thấu ruột gan.
Xót ró rồi đây bồ-tát giáng,
Gần xa hương khói khắp muôn làng.

DỄ NGƯỜI DAO LỤT CÓ NGÀY CỤT TAY

Dao lụt kia ai khéo dẽ người,
Cứt tay có bùa chó không chơi.
Thợ rèn đánh rót cần chi nứa, (1)
Con nít chơi lâu rủi cả mươi. (2)
Ba tấc ván dài còn đủ lưỡi,
Hai bàn sấp ngửa hết khinh người.
Bỏ lâu mất nước xù xì vạy,
Đến lúc lau mài sắc mẩy mươi.

MUA GÁI XEM ĐỒNG

Mèo mả gà đồng gâm chả xong,
Xưa nay mua gái phải xem đồng.
Lụa to kén tóc vầy đồi lúa,
Cội mẹ nguồn cha kỹ đục trong.
Cú-cú bao đời hoàn lại ực, (3)
Điu điu mấy thuở đẻ con rồng. (4)
Mua Trâu lầm kẽ còn xem nái,
Lang chạ sao nên đạo vợ chồng.

- 1) Thợ rèn ăn dao lut. 2) Con nít chơi dao có ngày đứt tay.
3) Ưc là giù-gi. 4) Mẹ rồng lại đẻ con rồng, điu-diu lại đẻ ra dòng điu-diu.

THƯƠNG THÌ CHO RƠI CHO VỌT GHÉT THÌ CHO NGỌT CHO NGÀO

Cha mẹ yêu con phải lựa đường,
Ngọt ngào là ghét, đánh là thương.
Nâng niu nén nỗi nhuần xương thịt,
Lạt lẹo hay chăm miếng kẹo đường.
Vàng luyện lửa nồng càng đúng bực,
Cơm chan nước lã lại thêm chướng.
Thói đời còn lăm lòng hư hỏng,
Tre đẻ già dần mía bê tươn.

TRÂU ĐỨNG KHÔNG AI MÀ CẢ TRÂU NGĀ LẮM KẺ CẦM DAO

Trâu đứng kia ai hỏi tôi nào ?
Đến khi trâu ngā lầm cầm dao.
Mài sừng nhọn vắt ngo thèm bót,
Sẩy cản thời lòi chục cắt sào.
Mong chút phần ăn vì máu dinh,
Ưa đâu cháo múc phải tiền trao.
Con ăn con cột ganh nhau mặc,
Tôi giắt đầy lưng chỉ ước ao.

KHÔN LÀM QUAN, GAN LÀM GIÀU

Bởi vì khôn khéo mới làm quan,
Cho biết làm giàu phải bởi gan.
Hai miếng hai tay vơ ăn chóng,
Một lời một lõi chắt tiền tràn.
Gánh vàng về khổ ngu sao nỗi,
Đánh bạc với trời nhát phải tan.
Chữ phú xưa nay trên chữ quý,
Học gan chẳng học học khôn ngoan.

MUỐN NÓI KHÔNG LÀM MẸ CHỒNG MÀ NÓI

Mẹ chồng lầm miệng đã thành lề,
Muốn nói không xin học lấy nghề.
Miệng thích trăm đều vào lỗ trống,
Tượng tò một cõi đợi đâu về. (1)
Vung tròn múa đít dầu không mỏi,
Cúi trốc gài tai đã có nề.
Chẳng dễ ai đây bồ đựng sản,
Con trai chưa dể vội chi tê.

THẮNG BẦN CÓ CÁI QUẠT MO (2)

Thắng bần lẩn bần bị trời vò, (3)
Vốn liếng trong mình một quạt mo.
Đói dựa gốc cây may lượm được,
Buồn trông khuôn quẽ khéo vảnh chờ.
Nằm ngồi lót đít nhiều khi đờ,
Mưa nắng che đầu ít nỗi lo.
Trâu, cá, lim, Mồi đều chẳng đổi,
Bần này chỉ muốn vắt xôi to.

ÁO DÀI CHẮC NỆ XIÊM XƯA, TRAI KHÔN CHẮNG NỆ VỢ THỪA THẾ GIAN

Áo dài thoi chẳng nệ xiêm xưa,
Mấy thuở trai khôn chán vợ thừa.
Tốt vật che luôn con mắt tục,
Cao tay lặt cả cái bông lưa.
Hay lường tốn ít tuồng khuôn dưới,
Khéo vá lành hơn mới thuở xưa. (4)
Gắm vóc thải ra chưa dễ mấy,
Mặc không phủ gối chó thừa ưa.

- i) Cha chồng là lông chim phượng, mẹ chồng là tượng mồi tó, nàng đâu là bồ đựng chưởi. 2) Thắng bần có cái quạt mo, Hán-vương đòi dài ba bò chín trâu : Bần rằng tôi chẳng muốn trâu, Hán-vương đòi đòi ao sâu cá mè, bần rằng tôi chẳng muốn mè, Hán-vương đòi đòi một bè gỗ lim, bần rằng tôi chẳng muốn lim, Hán-vương đòi đòi đòi chim đói-mồi, bần rằng tôi chẳng muốn mồi, Hán-vương đòi đòi vắt xôi, bần mừng. 4) Rông rãi trời dài cho, Co ro trời vò lại. 5) Rách khéo vá hơn lành vụn may.

TRÈO NON QUÊN MỆT NGẬM GỪNG QUÊN CAY

Gừng ngâm non trèo khó thuở nay,
Vì ai quên mệt lại quên cay,
Trăm lần chống gối chun không biết.
Ba lát tê mùi miệng chẳng hay.
Núi lở, đá mòn tình hối chắc,
Chanh chua, muối mặn vị khôn tày. (1)
Mồ hôi nước mắt rưng rưng chảy, (2)
Cũng bởi thương em đến lõi này. (3)

ĂN TRÁI NHỎ KẺ TRỒNG CÂY

Cây ngon mấy thuở mọc hư không,
Ăn trái xin ai nhỏ kẻ trồng.
Ngày lại vin cành quen thói trẻ,
Đời nào gieo giống cảm ơn ông.
Ra hoa kết nhụy làm nên quả,
Bón nước vụn phân tốn lấm công.
Nước giếng nguồn trời còn biết nhớ,
Nõi nào ăn táo chạy rào thung,

CÓ PHƯỚC LÀM QUAN, CÓ GAN LÀM GIÀU

Xưa nay cậy phước được làm quan,
Chỉ có làm giàu phải cậy gan.
Tốt mā ông cha vơ ẩn chồng,
Già tay con mẹ chắt tiền tràn. (4)
Phát thân tại đất cần gì sức,
Đánh bạc với trời khó nói gian.
Chữ « phú » nên chi trên chữ « quý »,
Vì gan có ít phước muôn vàn.

- 1) Chanh chua muối mặn gừng cay. 2) Chảy nước mắt gừng.
- 3) Thương em vô giá quá chừng, trèo non quên mệt ngâm gừng quên cay.
- 4) Mẫu từ tiễn : tiễn con tiễn mẹ. Tục ta có tiếng kêu lời mẹ lời con.

QUÂN TỬ NHỨT NGÔN

Xưa nay thiên hạ có câu đồn,
Quân tử thì thòi chỉ nhứt ngôn.
Trăm nết giời mình đà giữ chặc,
Một lời rời miệng cứ nhìn luộn.
Trâu không kéo lại mồm người tục, (1)
Ngựa nở theo về lưỡi kê khòn. (2)
Phong khí dời xưa đâu hẳn thế,
Đời nay xác ốc đã không hồn. (3)

MUỐN NÓI GIAN, LÀM QUAN MÀ NÓI

Thiên hạ kia ai muốn nói gian,
Hãy xin kiểm triểng để làm quan.
Trăm đều chỉ thích tuồng thêu dệt,
Hai miệng nên mua bực thép gang.
Mặc súc khua hầu rời múa miệng,
Dám ai chọc mắt lại trêu gan.
Cứa tiền cứa hậu xa chi mấy,
Mù quạ chửi tron bạn hối khoan.

UỐNG NƯỚC CHÙA CẶN

Ở đời trăm việc cứ vừa vừa,
Uống nước sao cho cặn biết chừa.
Ngon giờ mùi trà mồm đã nhấm,
Ít nhiều lòng bát đáy nên lưa.
Đày vời lầm nỗi ngao lường khó, (4)
Sẽn nhện lâu năm vại chúa thừa.
Thế tục nhiều người tro mỏ nhát,
Chùa nay cũng bởi bạo ăn xưa. (5)

- 1) Một chữ đến cửa nhà, trăm trâu kéo không ra. 2) Sậy miệng ngựa theo không kịp. 3) Xứ biển có một con vật sinh ra cứ rúc vào trong vỏ ốc chèt sau lớn lên đi đâu thì mang theo: bắt coi thì thấy có hai càng như càng cua, không giống loài ốc, tục kêu là ốc lộn hồn. 4) Ghinh hư thế cuộc (cuộc đời đáy vời). Lầy ngao lường nước bê. 5) Ăn chùa nay.

BÁT BỂ ĐÁNH CON KHÔNG LÀNH

Bát bể thì thôi cứ chịu đòn,
Đánh con cho lấm cung không lành.
Choảng rồi một tiếng vang đòn nó,
Trót mãi nhiều roi thấm thịt mình.
Cục máu khôn đem đèn mạng sứ,
Đoạn mây khó nỗi bịt kín vành.
Việc đòn giữ trước hay hơn cả,
Chẳng một gì đâu mấy mèng sành.

NỐI TRÒN ỦP VUNG TRÒN NỐI MÉO ỦP VUNG MÉO

Thể gian nbiều hạng kiểu vung nồi,
Tròn méo theo nhau cứ úp thôi.
Khéo tợ « sọ dừa » dành có cặp, (1)
Xấu như « trái ầu » cũng thành đòn. (2)
Khuôn thiên nắn đủ khôn thừa thiếu,
Lò tạo hầm ra khó đòn.
Bếp tục xưa nay coi lộn sộn,
Vì mua không lựa nói sao rồi.

CHỒN CÁO LẾU LÁO BẮT GÀ

Xưa nay chồn cáo tiếng đồn xa,
Lếu láo rồi đây chỉ bắt gà.
Ngày núp bụi lùm trờ mặt thạo,
Tôi vào trổng mái cắn đầu tha.
Giả hùm khuấy mãi hôi làng xóm,
Phỉnh chó khôn như biến quỷ ma (3)
Quen thói chồn đèn rồi có bừa,
Xúm nhau đập chết trầu nhồi da.

1) Tròn như sọ dừa. 2) Thương thì trái ầu cũng tròn, ghét thì bòn hòn cũng méo

3) Chồn cáo có tài trộn chó, gặp đó rồi biến đó như ma.

NHÚT LÀ VỢ DẠI TRONG NHÀ

Dưới thế việc chi tối khổ người ?
Trong nhà vợ dại nhất bau tròi.
 Tay chun, miệng, lưỡi, hư và hồn,
 Cố, bác, bà con trách lại cười.
 Đó đã quăng trôn kêu cá lợt. (1)
 Bếp không biết nhóm xúi gà buồi. (2)
 Bạn bè khách khuya ngờ lui tới,
 Nước mắt cười ra, khóc hổ ngươi. (3)

THỨ HAI NHÀ ĐỘT

Dưới thế việc chi nhị khổ người ?
 Còn anh nhà dột cũng không chơi.
 Ngủ đang ngon giấc ôm mền chạy,
 Ăn chưa xong cơm vác ghe dời.
 Rủi nhịp mình se khôn tránh trót,
 Lỡ chừng khách lạ khó chào mời.
 Củi giàm, bếp ướt tranh chưa sắn,
 Ghét bỏ gì tội vậy hối trót.

THỨ BA NỢ ĐÒI

Thứ ba sự khổ nghĩ mà coi,
 Còn khổ chí hơn thứ nợ đói.
 Triển hoãn nhiều lần trầy trọc mãi,
 Mượn vay chưa săn réo van hoài.
 Bứt ra bận căng không buông lỏng,
 Về lại khoanh tay chỉ thở dài.
 Nhà cửa buồn tanh bè bạn vắng,
 Căn tim thở một lú quên toi.

- 1) Vợ hư như đó không tròn, vô con nào lợt con này. 2) Gà
 mình buồi bếp mình. 3) Khóc hổ ngươi cười ra nước mắt.

LUỘC TRỨNG HÚP NƯỚC

Thói người hà tiện gồm ghê chà ?
Luộc trứng toan đem húp nước à ?
Ít hột lêu bèu qua khôi lửa,
Chia tay lút chút đù vừa nhà.
Mưa nên đã lấm tiền tro sạn,
An vạy cho qua tiếng viet gà.
Để chuột tha dù mong lượm được, (1)
Túng thì phải tính mồi làm ra.

VẮT CHÀY RA NƯỚC

Nước non đâu đó khéo thay lay ?
Trỗi kệ tau đây vắt cổ chày.
Bóp thát hai tay ra súc chật,
Giọt mòng đồi tí họa thì may.
Sành còn ra mờ vì khôn rán,
Lã cũng nên hò bối khéo xuây.
Thôi chó đồi chày đồi cối mệt,
Không sao có mắm mút giòi đây. (2)

ĂN MẮM MÚT GIÒI

Kia ăn chi đấy, mắm hay giòi ?
Trỗi mặc nào đâu để mút coi.
Lượm cả hai tau ghê lúc nhúc,
Đút cho một miệng gồm lời thòi.
Tốn bao nhiêu cá thây nên lón,
Vứt lửng chưng con của cũng hoài.
Chịu cực ít ngày trót ngó lại,
Săn tiền đan rợ sê mua mồi (3).

- 1) Chuột nằm ngửa tha trứng. 2) Ăn mắm mút giòi.
3) Đan rợ trong cá mồi.

GIỎ CÓ QUAI, CHÀI CÓ CHÓP

Rất nhỏ nhơn gian thứ giỏ, chài,
Xưa nay còn có chót cùng quai.
Trăm vành gút lại hai vành chịu,
Muôn mặt thâu về một mặt coi.
Sáng đục đánh đầu vơ xách mái, (1)
Bụi tre vãi bậy núm lõi hoài. (2)
Chen hom (3) chó mó hai tay cả, (4)
Vướng gốc cá chì mắt phảitoi (5)

TẮC BÓNG LỐNG VÀNG

Ngày trời thấm thoát mấy ai màng,
Tắc bóng hay đâu thiêt lồng vàng.
Cửa sổ xuyên qua theo chẳng kịp, (6)
Đêm xuân so lại giá chưa ngang. (7)
Đào hiến sén nhện àm tùng thí, (8)
Võ thánh phanh phui bích mấy gang. (9)
Vàng mắt thế gian mua lại được,
Dây dòng khôn kéo bong du tang. (10)

- i) Dùi đánh đục, đục đánh sảng: 2) Chài vãi bụi tre. 3) Già kén chèn hom. 4) Bắt cá nai tay. 5) Được cả chài cả chì.
- 6) Bạch câu quá khích : Thời giờ đi qua mau như ngựa trắng chạy qua ngoài hè cửa. 7) Xuân tiêu nhất khắc tri thiên kim : Đêm xuân một khắc giá nghìn vàng. 8) Ông Đào-Khang nói : « Vua Võ tiệc tùng tắc bóng, người thường phải tiệc tùng phân bóng. 9) Võ quý thôn àm nhiện xích bích : Vua Võ quý tắc bóng mà khinh thước ngọc bích. 10) Tịch Tàu : Lỗ-Dương đánh giặc chưa tan trận mà trời tối, ông ta vầy cái giáo kêu mặt-trời trở lại. Mặt trời trở lại đánh xong giặc rồi mới tối.

CHA GÀ MẸ VỊT

Trách kẽ giao loan chắp chỉ hòng,
Cha gà mẹ vịt khéo mêu mông.
Máu oan lớn nhỏ hay chịu chít, (1)
Tính nước xưa nay vụng ăm bồng. (2)
Khô ướt trót chia hai thứ móng,
Ấp yêu khôn cậy một chòm lông.
Cờ đời lầm chú thua chán vịt, (3)
Gà chạ vơ ngang mái ngủ đồng (4).

TỐT KHOE XẤU CHE

Thói đời bạc thiếc gồm ghê hè !
Tốt muỗn khoe khoang xấu muỗn che.
Áo rộng quần dài chung chõ tiệc,
Chải cùn giẽ rách đứt buồng khe.
Mượn mồm thiên hạ khi khen gọi,
Đày mắt nhơn gian lúc nguýt ngoe.
Mèo khó thèm đuôi (5) voi trật thúng, (6)
Nhọc mình mà có ích chi he.

RẬM NGƯỜI THÌ ĐỎ, RẬM CỎ THÌ ĐEN

Đàn lắn kia ai chó ghê ghen.
Rậm người thì đỏ, cỏ thì đen.
Chen vai xem lầm tươi con mắt,
Lút mặt trông như sấp bóng đèn.
Lửa sáng muôn nhà cờ cắm phu,
Trâu ăn trãm đám quạ bay xen.
Vui buồn hai nỗi đem so sánh,
Người quý bao nhiêu thứ cỏ hèn.

1) Nằm vu vạ ngậm máu gà. Con là nợ, vợ là oan. Chịu chít như gà mít mẹ. 2) Phụ nhơn thủy tính : Tính đàn bà như nước. 3) Cờ thấp như vịt. 4) Mèo mà gà đồng. 5) Mèo khen mèo dài đuôi. 6) Lầy thúng úp voi.

TÍCH CÓC PHÒNG CƠ DƯƠNG NHI ĐÃI LÃO

Lương với cuộc thề biết đâu là,
Chứa lúa nuôi con cứ thói nhì.
Khóa lâm giờ chừng cơn gạo kém, (1)
Cung măng chờ đến lúc tre già. (2)
Mưa tràn rǎng khóa khuây lo lắng,
 Tay thẳng chân giùn khôi sẩy sa.
Biết một nhiều người hai chưa biết,
Con thì như quỷ lúá như ma. (3)

ĂN COI NỘI, NGỒI COI HƯỚNG

Nhà thì có hướng, bếp thì nồi,
Coi cả khi ăn đến chỗ ngồi.
Cầm đũa ít nhiều thèm hỏi trẻ,
Đặt tròn sau trước sắn trông ngồi.
Bạn bè dở miệng cơm còn hết,
Cô bác xay lưng lúc tối lui.
Trong trẻ hiếu chừng đợi tiếng ấy,
Một thiên khúc-lê đã xong rồi. (4)

ĐỒNG TIỀN CHIẾC ĐÚA CHIA ĐÔI

Vợ chồng oan nợ bời đâu he,
Tiền đúá chia hai thảm lấm hè.
Nhầm mắt bẽ đồi vòng sấp ngửa,
Cắn răng chịu nứa kiếp so le.
Vàng phai đà nát nên đành đoạn,
Cơm dở canh ôi khéo chờ che.
Khôn dại dạy nhau xin đóng cửa,
Trai đói gái lúá lóng tai nghe.

- 1) Có thứ lúa ma mọc lộn vào lúa nhà đèn khi vừa chín thì hột đồ cà xuống đất. 2) Lương cao gạo kém.
- 3) Tre già măng mọc. 4) Thiên khúc-lê dạy con nít những lê phép tối lui chờ đèn lúc ăn uống.

BẮC LÀ DÂN, BẮT NHÂN LÀ LÍNH

Bác ác vì sao thói nhuộm sâu ?
Than dân trách lính khéo câu mâu.
Lạ sao con cái không thương bố, (1)
Quái nỗi tay chân chẳng đỡ đầu. (2)
Ân mới rời tay xem nhẹ hổng,
Giặc vừa thấy mặt bố đi nhau.
Miệng hùm da rắn ai yêu được,
Cùng bối nhà quan chờ bối đâu.

ĂN CỐ ĐI TRƯỚC, LỘI NƯỚC ĐI SAU

Thói tục rành ghê nỗi chật mau !
Cố ăn đi trước, nước đi sau.
Săn châu lượt Khách con mâm rộng,
Rốn bước nhường người lúc đến sau.
Hốt nhịp miệng nồi càng sốt dēo,
Rủi thì lòng chảo khỏi lau chau,
Ai ai giữ chắc câu lè ấy,
Nước chẳng thò chân, cố dụng đầu.

NUÔI CON MỚI BIẾT CÔNG LAO MÃU TỪ

Công lao từ mẫu quá non cao, (3)
Đến lúc nuôi con mới biết nao !
Sự có trải qua khôn một tí,
Ơn không chờ trả thảm đường bao ?
Xuân nào hỏi cỏ « đèn chi chửa » ? (4)
Gió chẳng cho cây lặng biết sao. (5)
Dưới gối một ngày đứng lồng leo,
Muôn vàn ghi nhớ đức cù lao.

- i) Quan là bô mẹ dân. (2) Bình chi ư tướng do thủ túc cản đầu mục, nghĩa là bình ở với tướng như tay chân đỡ đầu mắt. 3) Trèo non mới biết non cao, nuôi con mới biết công lao mẫu tử. 4) Nan tương thôn thảo tam, báo đáp tam xuân huy : khó đem lòng tắc cỏ đền ơn nặng ba xuân, là nói con khó đến ơn cha mẹ. 5) Thơ dục tình nhi phong bắt định, từ dục dưỡng nhi thân bặt mãi : Cây muôn lặng mà gió chẳng đứng, con muôn nuôi mà thân chẳng đợi,

TRẺ CÂY CHA, GIÀ CÂY CON

Đạo trời vay trả mới vuông tròn,
Trẻ cây cha, già lại cây con.
Cỏ dại hơi xuân thèm mát mẻ,
Thung nhè bóng quê khói thôn von. (1)
Trăm năm che chở ơn trời bể,
Muôn kiếp xoay vẫn nợ nước non.
Độc lập tự do ngoài cảnh cửa,
Vào nhà xin giữ thói phượng ngôn.

KHÔN NGOAN ĐỐI ĐÁP NGƯỜI NGOÀI GÀ CÙNG MỘT MẸ CHÓ HOÀI ĐÁ NHAU

Khôn ngoan đối đáp với người ngoài,
Một mẹ xin gà chó móc xoi.
Thà để cao tay khi chặn lúa,
Nỡ nào bôi mặt lũ loi Choi. (2)
Cây vườn (3) còn lầm trang ganh tiếng
Bươi bếp (4) xin chừa thói phải toi. (5)
Máu mủ anh em xin chạm dạ,
Câu thi « ngự võ » hối còn soi. (6)

- 1) Linh thung nhứt chi lão, đón quê ngũ chi phượng : Cội thung một cây già, quê đó năm cành thơm, là nói cha già con đã hiền vinh. 2) Gà một nhà bôi mặt đá nhau. 3) Chó cây nhà gà cây vườn. 4) Gà ganh nhau tiếng gáy. 5) Gà mình bươi bếp mình. 6) Lay quoay như gà phải toi. (6) Kinh thi : Huynh đệ huých vu tường, ngoại ngự kỳ võ : anh em đá nhau phía trong vách, ngoài thì chống lại những người khinh mình.

BAO ĐỜI DÌ GHÈ CÓ THƯƠNG CON CHỒNG

Bông lau muôn kiếp mọc đầy đường, (1)
Dì ghè con chồng mấy kẻ thương.
Gối sầu chân le vơ vưởng vậy, (2)
Cha gà mẹ vịt chít chiu thường. (3)
Đời đầu tám lớp quên giềng cả, (4)
Khác máu hai đời giữ thói uơn.
Liếm cá lá đường trông sạch quẹt, (5)
Cũng vì bánh đúc cứ không xương. (6)

SỢ VOI AI SỢ CÚT VOI

Su sụ như voi chỉ sợ thầy,
Nào ai sợ cút tự xưa nay ?
Hai ngà vàng vảy lồng kiêng thi,
Một bài bồ kè căng đà ngay.
Gùi luột lá tre đà vắng mặt, (7)
Xác tàn bã mía cũng tràn thây. (8)
Cút trâu cút ngựa còn cao giá,
Thôi chó bay hơi thúi vũng nầy.

- 1) Mẹ ghè của ông Mẫn-Tử bát ông ây bận bông lau, mà con đé thi cho bận lụa là. 2) Cát chân siêu nồi căng le le. 3) Cha gà mẹ vịt chít chiu, bao giờ dì ghè nâng niu con chồng. 4) Bát mâu, trong tám mẹ, mẹ ghè đứng hàng ba. 5) Con không cha ăn cơm với cá, con không mẹ liềm lá ngoài đường. 6) Bao giờ bánh đúc có xương, bao giờ dì ghè mà thương con chồng.
7) Một ông quan võ làm bài thi vịnh con voi có câu rằng :

“ Nhập nhem con mắt tướng là chêt,
Nhận nùi lá tre nuốt nghe ào ».

- 8) Tục ngữ : Theo voi ăn bã mía.

QUẾ GỪNG CÀNG RỤI CÀNG CAY

(Xem bài 278)

Quế gừng bẩm tính tự xưa nay;
Càng rụi bao nhiêu vị lám cay.
Mấy láng sành da ăn xé lưỡi,
Đôi chằng lồng ruột bẩm tê tay.
Trái bao ưa thích ơn trời rộng,
Nhóm hết tinh ba của đất dày.
Danh vọng càng cao kia những kẻ,
Gian nan trăm lỗi chất càng dày. (1)

GIẬN CON RẬN ĐỐT CÁI ÁO

Người đời ít ỏi khéo nhiều gan !
Giận rận sao đem đốt áo tan ?
Một đực nhám lung khêu máu nóng,
Cả tràng thíp thịt phú tro tàn.
Ông tây mình chuốc khòn hòn trét, (2)
Cỏ máu ai sinh nõi vạ tràn.
Những thói vá quáng nên bỏ tắt,
Đầu ai chí ấy chó làm càn,

GIÁ CAO CHÉM THẤP

Bán buôn học cách múa gươm trần,
Khi giá thì cao chém thấp l่าน.
Tốt lưỡi đưa lên chừng mấy thước,
Non tay hạ xuống chỉ vài phân.
Khôn hay đỡ vót không vương mũi,
Dại cứ tròng theo phải đứt gân.
Thói tục dao dùi sâu thấu thịt, (4)
Khó toan phá đầu, bẻ luôn cân. (5)

- 1) Quế gừng càng rụi càng cay, càng cao danh vọng càng dày gian nan. 2) Nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà. 3) Máu sinh tật, đất sinh cỏ. 4) Mũi dao, mũi dùi, ý nói nhỏ. 5) Lão Tử : Hủy đầu chiết cân, nhì thị, giá bình, nghĩa là phá cái đầu bẻ cái cân, tự nhiên giá chợ công bình.

CHA MẸ HAY NÓI OAN, QUAN HAY NÓI HIẾP

Nói oan nói hiếp tự xưa nay,
Cha mẹ cùng quan tính vẫn hay.
Yêu dấu trăm đường quên già thiệt,
Hồ đờ hai miệng bỏ gian ngay.
Sinh con thì dễ sinh lòng khó,
Bất trái còn sưa, bất mặt dày.
Bố tỉnh vua nhà đừng nhận lện, (1)
Rủi thì hùm dữ túm ăn vảy. (2)

GIÀU VÌ VỢ, SANG VÌ BẠN

Xưa nay trong thế cuộc giàu sang,
Vợ, bạn hai bên cậy mọi đường.
Rõ cửa, rực nhà nhở nét táo, (3)
Thêu mày, vẽ mặt dựa hơi lan. (4)
Gà hay gáy sớm nên gia-đạo, (5)
Mèo khó khen đuôi khắp thế-gian. (6)
Tiền của công danh đều muốn cả,
Nào ai chọn đá biết tìm vàng. (8)

- 1) Quan là bô mẹ dân, cha là vua nghiêm trọng nhà. 2)
Tục-ngữ : Hùm dữ không ăn thịt con. Sách Tầu gọi quan dữ là ngựa hồ, nghĩa là con hùm nầm. 3) Nét táo là nói vợ giòi. 4) Hơi lan là nói bạn hiền. 5) Bài kê minh trong *kinh-thi* nói : Vợ hiền gà gáy đã gọi chồng dày làm việc. 6) Mèo khen mèo dài đuôi. 7) Chọn đá thử vàng, là nói ehung cả bạn hữu và vợ chồng.

ĐI VOI VỀ VOI, ĐI NGƯA VỀ NGƯA

Xây vòng đàng thề chẳng xa gì,
Voi ngựa về sao bởi lúc đi.
Ra ngõ hành yên tầm rộ thề,
Lại nhả đầu móng rõ ràng y,
Bắn nghê có kẻ thân tầng trải, (1)
Ở ải như ông Mắt lợ chi, (2)
Dưa đậu xưa nay ăn đã chán, (3)
Về Tàu để cút có bao khi. (4)

- 1) Sứ Tầu có tích voi đến ơn, có một anh nghè bắn giỏi lăm, một bùa cấp cung tên lên núi đè bắn, ngồi nghỉ dưới gốc cây ngủ quên. Thức dậy thấy một con voi đứng chực bên mình. sợ lăm. Hồi lâu thấy bộ hiển lành mới biết không hề gì. Một ch襌 thấy voi lại bồng anh ta bỏ lên lưng, cứ đàng đi mãi. Đến chỗ thấy voi lớn voi nhỏ nằm một đồng, bầy voi thấy anh ta tới, coi bộ mừng lăm. Con voi lớn quỳ chân cho anh ta bước xuống, rồi lày vòi kéo anh ta, lày mắt ngó trên cây, làm bộ như muôn cho anh ta leo lên cây đó. Anh ta chẳng hiểu tí gì, nhưng thấy nó làm vậy cũng hiểu nó muôn cho mình leo. Anh ta leo lên ngồi trên cây. Hồi lâu thấy một con thoan nghè (cũng loài sứ-sứ) thật lớn, đi tới chỗ voi nằm, lựa con béo. Bầy voi nằm thíp thíp chẳng dám cựa cây. Anh ta biết ý voi vướng lày nạn con này, nên cầu minh cứu đày. Lày cung tên ra nhắm ngay con thoan-nghệ bắn một mũi trúng ngà lăn ra đó. Bầy voi mừng lăm, xúm ngó trên cây, rồi cúi đầu làm như cảm ơn, đèn khi anh ày xuống đất, con voi lớn đi rước anh ta khi trước, lại bồng anh ta đè lên lưng cứ đường đi. Đi tới một chỗ đè anh ta xuống đó. Lày hai chân trước đào đất: một chút thấy lối lên một đồng ngà voi thật nhiều (vì voi thấy ngà thì lày đầu một chỗ, xưa nay người đi núi không ai được ngà voi thay). Con voi lày mắt ngó anh ta như tuồng muôn anh ta lày đồng ngà đó. Anh ta lựa ngà tốt bó một bó, rồi voi bồng anh ta và ngà bó lên lưng đem về.
- 2) Một ông ở gần cửa ải gọi là Tái-ong (nghĩa là ông ải) mắt cả bầy ngựa, bà con đèn thăm ông, ông nói « thè mà phúc

HỌC TRÒ HỌC TRỎ HỌC TRỎ HỌC CHƯA HAY CHỮ ĐÃ LO VÉT NỐI

Học trò học trò khéo loli thôi,
Học chữ chưa hay khéo vết nồi.
Nghĩa đã quên đâu giao lại sách,
Cháy còn dính đó để cho tôi.
Mực không thấm ruột hèn cha chả, (5)
Lo đã vừa niềm xấu lám ôi.
Đốt đặc bao đời hoàn cán xuồng,
Lấy vung dày mặt để ra đời.

THIỆT VÀNG KHÔNG SỢ CHI LỬA

Nấu đốt cao tay mặc thử thàng,
Nếu mà sợ lửa thiệt đâu vàng.
Mười phần chẳng chút pha hơi bạc,
Trăm luyện nào hề núng sức than.
Tuy chưa can tương khôn rõ mặt,
Đầu cho sắt đá cũng kién gan.
Lò đời còn lầm cơn nòng nã,
Chì, thiếc kia ai khéo giữ giàng,

cũng có ». Đến sau bảy ngựa về lại giỗ về được một bảy tết
lắm : người con ông lựa một con cõi chơi, làng xóm tới mừng.
Ông ày nói : « Thè mà họa cũng có » Được mày lâu người con
ông bị té ngựa gãy tay, làng xóm thăm. Ông ày
nói : « Thè mà phúc đức cũng có ». Được mày lâu, giặc
ở ngoài ài đánh phá vào, quan quân thua, vua truyền lệnh con
nít trong nước mười bảy tuổi trở lên phải đi lính cả. Ông
ài chi có một người con trai đó nhờ gãy tay mới được ở
nhà nuôi cha. Tàu hay nói : « Tài ông thàt mã họa phúc an
tri » là thè. Chứng qua đắc qua, chứng đậu đắc đậu (trống
dưa được dưa, trống đậu được đậu). Ý nói ở lành gấp
lành, ở dữ gấp dữ. 4) Voi ngựa về Tàu cứt để lại cho ta.
5) Sách Tàu : Hung vô thàm mặc, nghĩa là ruột không thàm
mực, ý nói người dốt.

CON QUẠ NÓ ĐỨNG BÊN SÔNG

NÓ KÊU : « Ó MẸ ! MÁ ĐỨNG LẤY CHỒNG BỎ CON

Tiếng chi gieo giắt ở bên sông ?

Tiếng quạ con kêu mẹ lấy chồng.

Bến cũ vẫn vor người vứt thịt, (1)

Ở xưa dành đoạn lũ đâm lòng.

Tha mồi sún trả lăm ghi giạ,

Kết cánh cao bay thật nỡ lòng

Chiu chít thân này còn khá khá, (3)

Lùm gai gió thổi ngán ngao trông. (4)

- 1) Tích bên Tàu, Miêu ông Ngũ-tử-tư ở bên sông Tiền đường, có một bầy quạ rước khách đưa khách, đi qua khách hay vứt thịt cho ăn. Có một anh học trò thi rớt về, lỡ đàng vào miêu nầm, chèt luối, chim nuôi chim bao thây thán gá cho người vợ về giòng quạ, tên là Trúc-Thanh. Sau tinh dậy đi về, khoa sau thi đậu. Đi qua bên đó, vứt thịt cho quạ ăn, miệng vái thăm : Con nào là Trúc-Thanh thì đồ lại, đừng bay đi. Quạ ăn rồi bay đi cả Tôi nầm chiêm bao thây Trúc-Thanh về. Nói bấy giờ đã thành thán, qua ở miền Hán-Khâu, mới trở về thăm đây, nghe chị em nói có anh trở lại đây, có hỏi thăm đến tôi, nên tới thăm anh. Sau kêt làm vợ chồng có cho anh ấy cái lót quạ ; khi nào muôn đi thăm chị ấy, mặc lót vào, hóa ra quạ, bay tới nơi, cởi ra hóa ra người ta. Tích này dài lắm. Đây nói tắt vừa hiều thê thôi. 2) Từ ô phản phô, nghĩa là quạ lành sún mồi lại cho mẹ. 3) Khá khá là tiếng quạ kêu. 4) Trong kinh thi có một người mẹ có bầy người con, bỏ con đi lấy chồng, con thương nhớ mẹ, làm ra thơ Khải-Phong. Thơ rằng : Khải Phong tự nam, xuy bi cức tâm Cúc tâm yêu yêu. Hữu tử thắt nhơn, mặc ủy mâu thị cù lao. Nghia là gió non : từ phương nam, thổi kia lòng cây gai, lòng cây gai thớ thớ. Có con bầy người, chưa thỏa mẹ cực khổ.

ĐÔNG THẦY THÚI MA

Trăm việc nêu hư quyết một tay,
Xưa nay ma thùi bối đồng thầy.
Ngày giờ rồng rắn lăm lăm miệng,
Gió mây ruồi lồng bỏ trói thầy.
Chè rượu chén anh rồi chén chú,
Hương trầm tiền chủ để tiền thầy.
Bà con cô bác xin lỗi liệu,
Chết sống đừng trông mày lão này.

LẤY THÚNG ỦP VOI

Sù sù ra đấy lớn như voi,
Quen thói toan đem thúng úp hoài.
Khuây lại bứt vành không chỗ nước,
Giấu sao kín cổng mắt còngtoi.
Che mồm thiên hạ tay khôn xiết,
Đày mắt nhơ gian miêng vẫn lời. (méo)
Bò bịch nong nia thôi phủi sạch.
Họa chăng thấy thóc cũng co vời.

ĂN MÀY NHỜ KHI CHÁY CHỢ

Bắt nhơn chi lầm lũ mày ơi,
Chợ cháy còn bay cung khuấy hỏi.
Trời đất hối ối đau mặc kệ,
Nước non cứu chữa trói thầy đói.
Lò mờ nước đục cò no nóc,
Tan tác nhà cháy quỉ phá ròn.
Phút chốc lửa tàn đâu lại đấy,
Lặng xanh trùm tối đánh vắng cõi.

RUNG CÂY NHÁT KHỈ

Chú khỉ dù đưa chót ngọn cây,
Hỡi ai dung dãy ? nhát ai dây.
Lung lay rắn sức choàng tay vươn,
Dọa dẫm nương hơi giả mặt cây.
Trỗi kê trên nồi ngồi giò đít,
Mặt bay d.rồi đó đứng hành thây.
Thôi đi cho khỏe đứng tro tráo,
Nói lầm thêm mang tiếng rút giây.

ĐẬP NƯỚC LẤY CÁ

Nào ai giận giỗ nước non đờ.
Đập đánh không qua lấy cá thòi.
Bốn mặt nhọa rầm làm nổi sóng,
Hai tay vơ cả mặc mày tròi.
Trăng vàng tuôn chảy chưa người chắp,
Cò còc đua theo cũng khuấy thòi.
Rút chốc đây oi, tuôn cuồn vỏ,
Sòng trong bể lặng mặc đua bơi.

CHUÔNG CÓ ĐÁNH MÓI KÊU

ĐÈN CÓ KHÊU MÓI TỎ

Đèn tỏ chuông kêu tiếng gọi là,
Có khêu có đánh mới thành ra.
Thử thò dùi đèn vang tròn đất,
Vừa nhúng tay vô rạng cửa nhà.
Miếu vắng ba hồi vầy lớn nhỏ,
Đèm khuya một ngọn chói gần xa.
Những vai nâng vạc tay cầm đuốc,
Có ngõ gian nan mới biết ta.

RÁN SÀNH RA MƠ

Mơ đời muôn vét sạch sành sanh,
Góm ghiếc cho quân rán miếng sành,
Lấm thuở đựng nhiều hơi cá thịt,
Già tan kiếm chút lúc rêu canh.
Chày chưa hết nước tay còn nụng,
Lã mói nên hồ mặt chưa danh.
Máy miếng iốp thừa đừng vứt vội,
Để tau khéo nức bẽ nên lành.

ĐÈN NHÀ AI NẤY TỎ

Gió lọt vì chung mờ cửa ra,
Đè đầu ai tới tớ đèn nhà.
Khêu nên vây vá lưng chừng đầy,
Sáng chỉ lanh quanh mắt chúng ta.
Xó ngõ vành sàn khòn cặn kẽ,
Đòm rào cách vách hơi sai ngoa.
Thôi đừng đòm đóm làm nên đuốc,
Bóng rí thêm nhiều miệng sửa ma (1)

GÀ MÌNH BƯỚI BẾP MÌNH

Bếp sao vẩy vá khéo buoi tung ?
Chưa dẽ gà ai tới bếp ông.
Lúa thóc no điều cù cúp mãi,
Tro than ngừa căng khéo đào vung.
Lạy ông táo lấm nên quen chóp, (2)
Vắng chủ nhà lâu dẽ mọc lòng. (3)
Tréo cánh nếu không toan nước trước,
Còn ba mối chỉ củng lời bùng. (4)

1) Tục ngữ : Chó sửa bóng đèn. Chó sửa ma. 2) Tục : Mọi mua gà về đem lạy ông táo rồi mới thả ra. 3) Vắng chủ nhà gà mọc đuôi tôm. 4) Gà vương ông chi.

CON KHÔNG CHA ĂN CƠM VỚI CÁ CON KHÔNG MẸ LIỀM LÁ DẦU ĐƯỜNG

Không cha, không mẹ thử so lường :
Đầy cá cơm, kia liềm lá đường.
Đụng cột mặc dầu no ói họng, (1)
Như gà thời đà đói phơi xương (2)
Lòng từ tạ bể hay chầm chút,
Phương nghĩa tày non khéo dở dương.
Năm bảy kia ai trông đầy thử, (3)
Miệng chung thiên hạ để làm gương.

NGHÊNH NGANG NHƯ LÀNG KHÔNG XÃ

Kia đầy trông xem thiều xã làng :
Chưa chi đã thấy lấm nghênh ngang.
Tờ bời triện mộc rương niêm chặt,
My tóc mẩy tau nước khóa tràn.
Cá lúa loi choi khôn thể lớn,
Chuột bày lúc nhúc khó nén hang.
Cho hay muôn việc không chuyên chủ,
Một năm con con cũng dở dang.

NƯỚC LỤT CHÓ NGỒI GIÀN GÁT

Kia trên giàn gát ối chao ôi,
Nước lụt nên chí chó nhảy ngồi.
Rủi nhịp khóa tràn đòi thưóc đầy,
May thì chờ hổ mẩy tầng cỏi.
Liếm chân liếm đít xăn vắn mãi.
Trông dưới trông trên nhói nhác thoi.
Ít bữa mân cơn đau lại đầy,
Roi mây quất tưới nhảy cong đuôi.

1) Con không cha cứ cột nhà mà đụng. 2) Con mất mẹ
chiu chít như gà. 3) Trai năm thê bảy thiếp.

MÈO LÀNH AI NƠI CẮT TAI GÁI NGOAN CHỒNG ĐỀ KHOE TÀI NỒI CHỊ

Mấy thủa mèo lành nỡ cắt tai,
Gái ngoan chồng đẻ khéo khoe tài.
Nầm bồ ỉa bếp xoang tay chủ,
Nát đá phai vàng hổ mặt trai.
Mặc súc khen đuôi nghe đã lảng,
Bao nhiêu tốt miệng mèo thêm lời
Nồi rang bể nát khòn trồng lại, (1)
Ngoe ngoét còn đem thúng úp voi.

NÀNG DÂU LÀ BẦU ĐỰNG CHƯỜI

Tượng thếp lòng thiêng lấm chực chầu, (2)
Làm bồ đựng chười chỉ nàng dâu.
Bói đào trăm món tràn trề đầy,
Uớt ráo hai chân trút đồ dâu. (3)
Mình ốc nên cam mang cả cọc,
Đầu tằm hầu dẽ tránh trăm dâu. (4)
Đầy vàng rúng rẩy, nâng niu khách, (5)
Lòng tục khòu lường bể cạn sâu. (6)

- 1) Con mèo làm bể nồi rang, con chó chạy lại mà mang lầy đòn. Sách Táu : tảng dì phá hỷ, cò chi hà ích. Thí dụ : việc đã hư rồi, tiệc cũng không ích. Hai diễn hòa lại một.
- 2) Mẹ chồng là lông chim phượng, Chợ chồng là tượng mói tó, Nàng dâu là bồ đựng chười 3) Dâu mới về nhà chân ướt chân ráo. 4) Trăm dâu cũng đồ đầu tầm 5) Con gái là khách qua đàng, con dâu là vàng bồ đầy.
- 6) Lòng sâu hogn bế.

BẮT CÁ HAI TAY

Hai miệng khôn ngoan tự thuở nay, (1)
Nên chỉ bắt cá cũng hai tay.
Giếc, rô muốn cả khén cân chọn, (2)
Trái, mặt vờ luôn hết dở hay.
Lão liền dầu lòng cò đục nước,
Quơ quàng hết cách khỉ leo cây.
Loi choi một lúa tròng dày thử,
Nhón nhát phồng mang chết cả bầy.

NƯỚC LỤT BÈO KHỎA SÉT TRÊN SEN

Cảng chun chi đầy lũ bèo hèn,
Nước lụt dầu sen cũng khóa trên.
Sóng phủ đồi lặn chìm búp lá,
Gió đưa mấy cùm choanh tai bèn.
Bao nhiêu trời nổi càng lên mặt,
Biết mấy thơm tho phài cuốn kèn.
Ít bùa cạn ao bèo đến đất,
Sông cao mươi trượng vẫn hoàn sen.

SÂU AO BÉO CÁ, ĐỘC ĐẬ HẠI MÌNH

Lẽ dài sấp ngửa một bàn tay,
Sâu dạ sâu ao thử sánh tay.
Nước tỳ sông giang mè sướng vẩy, (3)
Lòng như chàm cá rắn sanh dày. (4)
Cao thâm càng dễ dung nbor bụi,
Oan trái bao nhiêu lầm đắng cay.
Hiềm giảo thói người nghe dấy thử,
Ao đừng để cạn, dạ bày ngay.

1) Chữ quan hai chữ khẩu. 2) Tục ngữ : Cá rô cũng tiếc, cá giếc cũng tham. 3) Ở Bắc có nhiều cá mè. 4) Thâm sơn đại trách; long xà sanh yết. Nói sâu chàm cá, rồng rắn hay sanh ở đó.

ĐÓI CHO SẠCH, RÁCH CHO THƠM

Đói rách xưa nay vẫn thế thường,
Cho thơm cho sạch lầm người thương.
Muối rau giữ phản lòng băng tuyết,
Chài lưới che thân dạ quế cương.
Nước khuấy lộn bùn nên quá đục,
Trầm vùi đến đất hây còn hương.
Sa thán sẩy bước kia ai dấy,
Soi thử gương chung miệng giữa đường.

TRẮNG LU VÌ BỜI CHÙM MÂY (1)

Thân trắng sao đến nỗi lu này ?
Ghét bỏ gì nhau vậy hôi mày ?
Ôm tấm gương trong khôn tả vẻ,
Trách vùng áo trắng vụng vẫn xây. (2)
Sông ngàn bóng lấp cầu trầm nhịp,
Cung quang lòng riêng quế một cát.
Ai rẽ đồi ta nên cách trở ?
Cũng vì bà nguyệt vụng xe dày.

THẦN THẾ ĐỒNG TIỀN, OAI QUYỀN THÚNG THÓC

Cõi tục nào ai có « thế quyền »,
Không qua thủng thóc với đồng tiền.
Bay mùi tanh nghĩ hèn thêm khiếp, (3)
Khỏa mặt đầyyun đòi phải kiêng.
Chim nước Tây sang càng quí quái, (4)
Chó làng Nhữ sửa cũng thần tiên. (5)
Thử xem trước mắt người thiên hạ,
Đẹ nhất nhà quan, nhì chủ điền.

1) Hai ta cách trở vì dây tơ hồng 2) Thiên thương bạch vân
như bạch y, tu du holt biền vị thương cầu : mây trắng trên
trời như áo trắng, giây phút đòi lại làm chó xanh : nói thói
đồi thay đổi quá mau.

XUI NHAU LÀM PHÚC, KHÔNG AI GIỤC NHAU ĐI KIỆN

Xui giục xưa nay phải lựa đường,
Phúc thì trọn vẹn, kiên thì hoang.
Thà khuyên trút hắt vào am Phật,
Nỡ chọc lòi đùm tới cửa quan. (6)
Bé khố nhiều đò mau đỗ bến,
Lò tiền thêm cùi tốn toi than. (7)
Lòng người càng xuống càng sa sút,
Xui phúc nào ai ? Xui kiệu tràn,

CÒN CHỒI LÊN CÂY

Mặc ai đốt phá mặc lung lay,
Nếu hây còn chồi chắc có cây.
Mười thước cỗi sâu chưa nhúc nhích,
Trăm vùng trước nảy lại sum vầy.
Mưa nhuần nắng ấm chừng đói lúc,
Cột cỏ rường cao chả mấy ngày,
Cuộc thế xây vẫn trong trước mắt,
Lão Tiêu còn đó, núi còn đây.

- 3) Sách Tầu : Có người đem tiền lo làm được quan. Hỏi người nhà rằng : « Thiên hạ đàm luận thê nào ? Người nhà nói : « Thiên hạ chỉ hiếm mùi đồng tanh lầm thôi ». 4) Lúc Tây mót qua nước ta, đem qua rành bạc con chim. Hỏi tôi mót hâm lầm tuổi ở tinh Quảng-Nam có một ông quan tinh muôn lật mây câu phong dao. Ngài yết-thị trước cửa rằng : Ai có biết những câu như câu : « Voi ăn trong rú trong rì; voi ra uồng nước voi đi giữa đường » thi viết gởi cho ngài. Có anh học trò đế rằng : « Chim ăn ngoài bể ngoài khơi, chim bay vào tinh chim rơi xuống tào » 5) Chó làng Vé sửa ra chữ, chó làng Nhử sửa ra thóc. 6) Khôn ngoan tới cửa quan thì biết. 7) Cửa nhà là « Tiêu kim lư » Nghĩa là cái lò tiêu vàng, mây cũng hết cho.

DAU TIẾC THÂN, LÀNH TIẾC CỦA

Đau lành thói tục khéo lẩn đẩn,
Tiếc của đà quên lúc tiếc thân.
Rên rỉ đuối hơi cần tú mạng,
Vui cười cưa cạnh sến từng phần.
Mồ hôi cục đá bao khi đổ, (1)
Máu mủ đồng tiền lấm lúc thân.
Một nén trầm hương trời Phật chiếu :
Thân trầm tuổi khỏe, cửa muôn phần.

XUÔI BUỒM THUẬN GIÓ, CHÉN CHÚ CHÉN ANH LÊN THÁC XUỐNG GÀNH, CẶT TAO DÁI TÓ

Xuôi buồm thuận gió chú rỗi anh,
Cắt dái gãy nhau lúc thác ghềnh.
Em ái rượu chè mời dịu ngọt,
Ngược dòng miệng lười dỗ phui phảnh.
Tánh say thói tục lùm mây bạc,
Sâu hiem lòng người đáy bể xanh.
Một chiếc thuyền trần khôn đầy cạn,
Biết bao giờ đỗ bền trong thanh ?

CẠN AO BÈO ĐẾN ĐẤT

Cách đất bao lâu thú lũ bèo,
Rời đây ao cạn cũng sa theo.
Nước tù hết kiếp khôn lên mặt, (2)
Bùn lấm vương tai khéo lộn phèo.
Dưa cá mang chung con và gỏi, (3)
Khôa sen bỏ cả thói chơi treo. (4)
Mặt bèo xiêu giật trầm người chộ,
Lặt được bao nhiêu chỉ vứt theo.

1) Đá có lúc đồ mồ hôi. 2) Nước ao tù. 3) Cháy thành vạ cá, 4) Nước tràn bèo khôa trên sen.

LÒN CỬA TIỀN CỬA HẬU : AI LÒN CHỖ GIẠU CHỖ CHUI

Cửa tiền cửa hậu, chỗ lòn vùi,
Mấy thuở ai lòn chỗ chó chui.
Đóng mở đường hoàng thà cúi trán ;
Ra vào ủm thüm chẳng theo đuổi.
Khách ra chuồng ngựa còn danh giá, (1)
Bợm gấp sàn gà khó túi lui (2).
Luôn lột xưa nay quen nết tục,
So đo hồn thiệt khéo lôi thôi.

1) Trong sách « Cố văn có bài thượng hạ tương phu ». Nói hết cách thói xấu người đài di luôn lột quan trên. Tôi không nhớ được cả bài, xin nhắc một ít mà nghe: « Người đài muôn cho mình có danh giá ; tư nhà sắm xe ngựa cho rầm rột ; đi chồ đê đô, lụa một hai ông lớn có tiếng giàu sang, đánh hơi tới ngõ. Dứt tiền cho tên lính canh cửa rồi xin dâng cái danh thiếp vào rồi nói xin cho tôi vào trong đặng chực hầu quan lớn. Nó không cho. Nắn ní năm mươi lần, dứt tiền thêm cho nó ; sau nó mới cho vào ngõ. Vào rồi nó chỉ cho đúng chỗ chuồng ngựa. Ruồi muỗi thùi tha mảy cũng phải cứ đứng chực mãi. Đến chiều chẳng thày gì. Tôi phải ra về. Sáng mai tối thật sớm, lại gõ ngõ : Thằng lính canh hỏi : « Ai » « Thưa tôi » — « Tôi tới làm gì bây giờ ? Quan lớn hỏi giờ đã chịu tiếp anh à ? ».

Nói rồi trợn mắt dữ dằn sây mặt bước vào.

— « Thôi thưa cậu lỡ ra, biết làm sao giờ, nhà làm ơn cho tôi vào một tí ». — « Không »

— « Thôi thưa cậu có ít lương dây, xin cậu cầm lấy để uống rượu lày thảo ». — « À chừng này đã toan vào được cửa này à ».

— « Tôi còn ít lương dây xin cậu cầm mua thuốc » Thằng lính mở cửa cho vào ; vào lại đúng chỗ cũ bừa qua. Cứ tối ra sớm vào, làm như thè hoài ; lần nào cũng phải mất tiền dứt cho tên lính, trước vài mươi bừa may ra mới được quan lớn đòi ra mắt. Thôi mừng hết lớn ; soạn sửa quần áo, nhâm trước nhâm sau, rồi đội mâm lề vào, rất đồ quý cá. Bước tới dưới thềm ; lạy cúi đầu sát rạt một hồi lâu mới ngóc đầu lên : « Trăm lạy quan lớn con xin dâng lẽ mọn ». Quan lớn tâm nhận rồi, nhưng cũng còn làm cách sang : « Thôi lẽ nghĩa làm gì cho thay lạy ! Lại lạy cúi đầu sát rạt : « Trăm lạy xin quan lớn nhận lẽ mọn ; làm như vậy đài ba lần, quan lớn bảo lính : « Thôi thay đã có lòng thành thâu cho ». Rồi chỉ cho ngồi một bên khém, cho một chén trà hỏi vài câu chuyện rãm. Một chốc lại lạy bòn năm lạy cúi đầu sát rạt rồi lui ra. Quan lớn quay lại nói với người nhà : « Thấy đó tao coi bộ cũng khá ; người ấy chả biết gì, thay quan lớn khen cũng hot chả theo ít câu. Còn anh ta là khỏi ngõ giờ con roi thật cao. Thay những anh em quen đi đường xa : « Kia ai đây ? Mình mới ở trong nhà Cụ lớn ra đây, chà cụ lớn từ tè với mình lạ ». 2) Túi

tầm rủi phải sàn gà, bợm đà biết bợm thì tha nhau cùng.

TIỀN VÀO NHÀ KHÓ, NHƯ GIÓ VÀO NHÀ TRỐNG

Tiền vào nhà khó có lâu nào,
Nhà trống y như lúc gió vào.
Vó được giọt nào tiêu giọt nấy,
Thổi luồn dâng trước thấu dâng sau.
Nát gì bụi cỏ còn đâu kiềm, (1)
Dính mẩy chà gai săn dãy quào. (2)
Gặp vận gió đưa liền ruột hẵn, (3)
Mặc ta cồng kín lại tường cao.

DÃ TRÀNG XE CÁT BÈ ĐÔNG, NHỌC MÌNH MÀ CHẲNG NÊN CÔNG CÁN GI

Nhọc mình chỉ lám dã tràng ôi.?
Xe cát xưa nay chẳng thấy rồi.
Tháng lòn năm qua cà cụm đầy,
Bãi dài sóng cả tạt xô bồi.
Mượn hòn Tinh-Vệ thù cho bẽ, (4)
Hóa kiếp Ngu-Công chống với trời. (5)
Cuộc thế tang thương đâu đã chắc, (6)
Thân này xin hối bạn cùng người.

- 1) Rót đồng tiền kiêm nát bụi cỏ. 2) Nhà gai quào không
dính. 3) Thời lai phong tòng Đằng vương các; vận khứ
lôi oanh tiễn phước bi : Thời lai gió đưa tới các đằng,
vận di sét đánh tan bia phước. 4) Tích sách Tàu : có một
cô con vua đi qua bẽ. Sóng phù chim thuyền. Khi người
ày sắp chết thề lập cho được bẽ. Sau chết hóa
ra con chim Tinh-Vệ, cứ tha đá lập bẽ. 5) Lại có người
thiên hạ gọi là ông Ngu, nhà ở trong núi. Bước ra cửa
bờn phía núi dựng cà, khó đi quá. Ông ày thề hết sức
đào cho bằng cà mà hòn núi. Khi ông ày đương đào
một người đi qua nói : « ông nầy lẩn ». Núi thề nầy mà
một mình ông đào sao cho bằng nỗi ? Ông ày trả lời rằng :
« Tao đào hết đời tao rồi đời con đào, hết đời con rồi cháu
đào, cứ đào mãi hết đời này qua đời khác, mà núi chỉ
chừng này, không sanh thêm nữa, lẽ nào chẳng bằng ». Nói
rồi cứ đào. Sau trời thấy ông bền gan chắc dạ thề kia cũng
động lòng : Sai Thiên lôi thần tướng xuống đánh mây hòn núi
làm cho bằng cà. Chưa mãn đời ông ày mà cái ý nguyện
ông đã thoả. 6) Sch.Tràng Tử : Trong ba mươi năm trong
trời đất có chỗ bê hóa làm nên ruộng dầu, có chỗ ruộng
dầu hóa ra bẽ.

ĐÁNH CHÓ KIÊNG CHỦ NHÀ

Chó kia nhón nhác giē người chà !
Đánh nó vì kiêng tí chủ nhà.
Toan miēng nǎm đuôi tay quắt xuống, (1)
Né lòng quen mặt mát tròng ra.
Ý hơi trời lụt tầng ngồi gác, (2)
Mang tiếng th n nương phải cậy gia. (3)
Liếm mặt nhiều lần rồi có bùa, (4)
Run như sẩy lửa mói ghê ta. (5)

CHỌN ĐÁ THỦ VÀNG

Xưa nay bậc thiêc lộn nhơn gian,
Chọn đá nên toan để thủ vàng.
Khác núi mượn trang giỏi chất ngọc, (6)
Nhảy lò khôi nỗi tốn công than. (7)
Trong tay vuông tắc nên cầm chặt,
Ngoài mặt xuy pha đủ thạo tràn.
Chạm đá ghi vàng tình nghĩa nặng,
Lúa đói bè bạn chó vor càn.

- 1) Lạc đường nǎm đuôi chó. 2) Trời lụt chó lên ngồi gác.
- 3) Thần cây cây gia, cây gia cây thần. 4) Giờn chó thì chó liếm mặt. 5) Run như chó sẩy lửa. 6) Tha sơn chi thạch, khà dì công ngọc : lấy hòn đá núi khác mà đổi được ngọc 7) Sách Trang-Tử nói : Con người trong trời đất như vàng mà thợ đương nấu trong lò : để muôn đồ cái gì mặc thợ. Nếu vàng mà nhảy đúng ở trong lò, đòi phải làm cái này, cái khác, thì thợ cho là vàng yêu càng phá cho hư thêm.

CHỒN ĐÈN ĂN QUEN MẮC BẦY

Nực cười nhón nhác chú chồn đèn,
Mắc bầy vì hay giữ thói quen.
Hót nhịp lẩn đầu mong đồ mồi,
Rủi thì kẹp cổ ngó vàng nghen.
Cán đuôi hết trí đưa mà mốc, (1)
Đây mặt khoe khòn phải vận đen. (2)
Hóa kiếp đầu lươn quen sút mép,
Bạo ăn còn giữ xuẩy hưu hèn.

MIẾNG ĂN LÀ MIẾNG TỒI TÀN, MẮT ĐI MỘT MIẾNG LỘN GAN LÊN ĐẦU

Miếng ăn gặm thiệt miếng tồi tàn,
Mắt miếng trên đầu đã lộn gan.
Khỏi họng vài phân tiêu xuểng bặt,
Hụt mồm bảy lá ối lên tràn.
Treo mồi miệng cọp khôn vơ lại, (4)
Hóa kiếp thân tôm cù gấp càn. (5)
Thầy béo mặc lòng hiềm óc đục,
Ruột gan đâu nứa lũ tham xan. (6)

- 1) Tục truyền : chồn đèn cắn lợn với rắn hổ, cứ lừa cắn đầu đuôi. Rủi phải rắn hổ cắn nhầm, thì vào bụi tìm thuốc chữa hết liền. Lành rồi cắn lá cây nhai vào miệng, ra phun rắn thì rắn trun lại, chồn cắn chết tươi. Ai gặp như vậy rinh coi, rồi ăn cáp láy lá ày đè xúc rắn cắn hay lắm. Nhưng xưa nay chưa thầy ai được. 2) Tục truyền : chồn đèn muôn bắt gà con, lấy hai chân trước đập mặt lại ngồi thẳng lên, già làm khúc cây khô. Gà con chạy lại mồ, chồn chụp ăn. Tục truyền : lươn lâu năm hóa ra chồn đèn. Nói : người đào giềng thầy con lươn cái đầu đã hóa đầu chồn đèn, đã mọc lông rồi. Nhưng không nên tin là thiệt. 4) Thịt treo miệng. 5) Con tôm gan ở trên đầu. 6) Tham xan là ham ăn.

CON GÁI LÀ KHÁCH QUA DƯỜNG. CON DÂU LÀ VÀNG BỎ DÂY

Xưa nay con gái khách qua đường,
Cứ lê con dâu thiệt dây vàng.
Vô lừa quay ra người trợ quản ; (1)
Tiền treo đem lại cửa dần đường. (2)
Rày mai xách nón đi nền ghét, (3)
Ngày tối làm bồ đựng khá thương. (4)
Thế tục nhiều nhà hay mắc lận,
Vàng phai mất giá khách toan lường.

TIẾNG LÀNH ĐÔN XA, TIẾNG DỮ ĐỒN BA NGÀY ĐÀNG

Lành vốn đồn xa mấy chặng đường,
Ba ngày tiếng dữ cũng đồn vang.
Miệng đòi khen ngợi khôn ngăn đón,
Lưỡi tục chê bay khéo lé làng.
Chẳng mượn cánh chim bay khắp cả, (5)
Khó đem chân ngựa kéo về ngang. (6)
Đèn nhà một ngọn muôn nhà tò, (7)
Tốt xấu khoe che khó nói càn.

- i) Tục ta đέ con gái quay vô lừa trở ra. 2) Tiền treo heo
cưới. 4) Con gái nuôi lớn cứ sách nón đi. 4) Nàng dâu là
bồ đựng chưởi. 5) Ngôn vô dục nhi trường phi : lời nói
không cánh mà bay xa. 2) Tứ bắt cập thiệt lở miệng nói ra,
ngựa theo không kịp. 3) Đèn nhà ai nẩy tò.

ỚT ĐÂU CÓ ỚT KHÔNG CAY GÁI ĐÂU CÓ GÁI KHÔNG HAY GHEN CHỒNG

Ớt đâu có ớt lại không cay,
Thói gái ghen chòng tự thủa nay.
Đã dính tên tiêu thì sé lưỡi, (1)
Trót mang kiếp liêu phải chau mày. (2)
Quê gặng càng rụi mùi so kém,
Đào mận đương xuân lụy nhỏ đầy.
Đỏ trắng đầy đàng ai chó mó ;
Rủi thì xoang mắt khóc liền tay.

KẺ ĂN MẮM, NGƯỜI KHÁT NƯỚC

Mắm mặn bao nhiêu nước lạt tanh,
Kẻ ăn người khát khéo bòng chanh.
Ai rơi vỏ quýt tay vơ sạch, (3)
Mình đúng bờ ao họng ráo quanh. (4)
Thiên hạ nhiều rau còn lấm nỗi, (5)
Thế gian chưa cặn đặng bao anh. (6)
Mùi đời trây trét xưa nay vậy ;
Muống luột măng nhồi lấm ghê ganh.

MA CŨ HIẾP MA MỚI

Quái gỗ gì đâu một lũ ma,
Cũng toan cũ mới hiếp nhau cà.
Mồ hoang cỏ lạn quen hơi cáo, (7)
Nấm uốt hương tươi quáng mắt gà. (8)
Lụa mặt lâu năm bồn da thạo, (9)
Chông đâu ít bừa miệng chưa già. (10)
Xoáy hư đèn chêt không chừa hần,
Tích trầm mang theo mấy kiếp xa. (11)

- 1) Rơi vỏ quýt ăn mắm ruối. 2) Má đào mày liễu.
3) Ớt Tầu gọi là tiêu. 4) Khát nước đúng bờ ao. 5) Nhiều
rau đau mắm. 6) Uống nước không chừa. 7) Bên Tầu mồ
mả lâu năm thì cáo hay đèo lô ở trong đó. 8) Loáng quáng
như gà mồ cừa mả. 9) Ma bắt lụa mặt người ta. 10) Người
mới chêt hóa ra quỷ, quỷ chêt hóa ra tích, tích chêt hóa
ra trầm ; (Sách tầu).

NHẤT NHẬT TẠI TÙ, THIÊN THU TẠI NGOẠI

Dầu ai tại ngoại đủ thiên thu.
So lại không qua nhắt nhật tù.
Một bùa Văn-Công xoang vân Tống, (1)
Hai lần bánh Tô trãi đời Chu. (2)
Cửa nhà mẩy thước vùng trời đất,
Tôi sớm trãm vòng cuộc bể dâu.
Thong thả co tay ngồi tĩnh thử,
Thần tiên chưa dẽ sánh ta đâu ? (3)

NHỨT QUẬN CÔNG, NHÌ KHÔNG NHÀ

Sung sướng như gianặng mấy cà,
Quận công thú nhắt nhị không nhà.
Võng điếu sớm tối chầu đèn quế,
 Tay trắng chiếu về ngủ gốc đa.
 Vạc nước chuồng vua còn chán đó,
 Màn trời chiếu đất mặc dầu ta.
 Cuộc đời đâu bể xoay vẫn mai,
 Bậc nhắt còn lo, nhị vũng chà !

THỊT CHUỘT THÌ ÍT, CON NÍT THÌ NHIỀU

Chà chà con nít ở đâu nhiều ?
Thịt chuột sao cho phát đủ đều.
Lúc nhúc hàng bày sào mấy tí, (1)
 Lao nhao mũi váng chực bao nhiêu ? (2)
 Cùng sào vượt dặng đuôi quân quỉ, (3)
 Hụt đưa xong đâu miệng lú yêu.
 Mèo chực mờ treo khôn thể dấu, (4)
 Lôi thôi ngang họng nuốt không tiêu.

- 1) Rột đời nhà Tống, nhà Nguyên vào lấy nước, bắt ông Văn-Công làm quan ; không chịu làm, bắt bỏ tù tại Yến-Kinh.
- 2) Ông Bành-Tô sanh đời nhà Thương, sống đèn đời nhà Chu hơn 500 tuổi. 3) Thần tiên sống lâu không chết. 4) Chuột bày đào chẳng nên hang. 5) Con nít chưa sạch váng mũi. 6) Chuột chạy cùng sào. 7) Mờ treo miệng mèo.

COI GIÓ BỎ BUỒM

Người đói lèo lái thao như cờm, (1)
Coi gió lầm le chực bỏ buồm.
Liếc mắt gần xa hơi thuận ngược,
Giay tay trái mặt chốc chiều hôm.
Khôn lường biển thể lòng sâu cạn,
Khéo giữ thuyền ta ngọn bắc nồm.
Đành đoạn cảm sào toan ngủ bến,
Trối van mặc khách đứng cầm mồm.

CHẾT ĐUỐI VỊN BỜ

Thùi thụt thói đói lầm hứng hờ,
Làm như chết đuối muỗi vin bờ.
Chang ban một bụng hồn man mắt,
Chói vói hai tay mặt khủng khờ.
Cách đặt vài gang toan với cỏ,
Bỏ đói chín suối chỉ chờ giờ.
Bến sàu ma dứ khồng mong sống,
Bạc mạng còn ai vót đặng ở ?

Chầu rày sanh đẻ đã rồi,
Bồng con ra ngồi coi thủ giồng ai.
Cái đầu thì giồng ông cai,
Cái lưng ông lý cái vai ông trùm.

Mân cũ xem con thủ giồng ai,
Vai trùm, lưng lý, thiệt đầu cai.
Ngày no tháng chẵn ưa nhìn nhỏ,
Cha lộn chồng chung nhó mía mai.
Cứng cỏi lột khuon sừng sổ nạo,
Công mang in dạng chóp coi dài. (2)
Lón lên tống xã chung bồng ăm,
Thèm thịt ti èn tiền chán thấy khoai. (3)

- 1) Tục ngữ : thao như cờm bừa. 2) Giò có quai chài có chóp.
2) Đầu cho ông lý ông cai, ăn cờm no bụng thầy khoai cũng
thèm Lại có tích giềng : Anh trùm ra việc làng, dặn vợ :
« Trưa có gọi về ăn thì gọi ràng về ăn cờm, đừng gọi về
ăn khoai mà dân sự cười ». Trưa vợ lại ra kêu : « Về ăn
cờm kéo đê con nít lụa hết củ lớn đi giờ ».

ẾCH NGÓI ĐÁY GIẾNG, COI TRỜI BẰNG VUNG

Êc oạc xưa nay vẫn thị hùng,
Coi trời đáy giếng nhô bằng vung.
Vàng khè chẹt ết ngong tròn chảo,
Xanh ngắt yêm liềm kín miệng vung.
Phèn bụng nhái kêu đà thấu chớp, (1)
Nghiến rắn cúc giận cũng nên giòng. (2)
Lón lao chi đó toan che đậy.
Gặp thuỷ mưa dào nhảy bể tung. (3)

MÈO KHEN MÈO DÀI ĐUÔI

Mặt mũi ngêu ngao dẽ mấy ai,
Xem đi xem lại mõ đuôi dài.
Lươn khò vuốt thủ còn non tắt, (4)
Rắn lại do chơi khéo quẩn nài. (5)
Lúc xán nồi rang ngong lěng nghenh, (6)
Khi nằm bò lúa vắt lời thòi.
Không hay bắt chuột hay nằm bếp,
Dị tướng như ta ắt có tài.

- 1) Rất cao chi có ông Trời, nhái kêu còn thâu huồng chi lời em than. 2) Câu thơ cóc :

Chíp miêng dẹp yên muôn chúng kiền,
Nghiến rắng chuyên động bồn phuong trời.

- 3) Ếch gặp chỗ mưa dào. 4) Vuốt lươn đầu đuôi. 5) Rắn quằn đuôi, mèo theo cái. 6) Con mèo xán bể nồi rang, con chó chạy lại mà mang lầy đòn.

LƠN BƠN MÉO MIỆNG CHÈ TRAI LÊCH MỒM

Trai kia mồm lệch lấm người chè,
Méo miệng lớn bơn cung ngứa nghè.
Méo mó mặc lòng mình vẫn khá,
Xẹo sién trái mắt đầy nôn ghè.
Thẩy mình nghī khó tìm tí vít,
Mui miếng ai sanh khéo nhún trè.
Thói tục còn nhiều câu trác tréo ;
Kìa lươn với chạch nứa tè tè.

LƯƠN VĂN CHÈ THẠCH DÀI

Thà thượt thàn lươn xấu đủ bè,
Có chi thẩy chạch lại còn chè.
Yêm liêm mình chỉ vài gan chǎn,
Gớm ghiếc ai cho mấy tắc tè.
Mát tục lù mù đeo vây gớm, (1)
Lưỡi đòn lát leo uốn mềm ghè.
Cá tòm còn lấm mồm ngoe ngoét, (2)
Lặng lặng nghe chơi mấy tiếng lè.

TRÂU GIÀ THAN THÂN

Thẩy tau ốm yếu dê trâu già,
Trẻ nhỏ như bay chưa biết ta.
Đàn tục gẩy tai còn thủa nghè, (3)
Ách đòn mang cỗ tụ thì cha. (4)
Nhiều người hốt cút mua lên ruộng.
Lấm kẽ theo đuôi tạo nỗi nhà.
Tuổi tác ngày chiều rơm cỏ ít,
Đền ơn chẳng tính, tính căng da.

1) « Đeo vây » có lẽ viết sai nên sửa là « lợ lanh » 2) Miệng lưỡi hàng tôm hàng cá. 3) Đàn gẩy tai trâu. 4) Ách giũa đòn mang vào cỗ.

TRÂU CỘT GHÉT TRÂU ĂN

I

Trâu cột chàng ràng đứng thi thắn,
 Kìa kìa coi thử bộ trâu ăn.
 Mình còn đói nháu teo hông thở,
 Nó đã no nê vểnh mặt tròn.
 Ruồi muỗi dế dày đe, khuấy rỗi,
 Qua cò theo đó xúm giua nhăng.
 Thời đứng ngó nghé toan nghênh mồ ;
 Giựt theo tao ra dụng ngã lăn.

II

Con ăn con cột hỏi vì đâu ?
 Nèn nỗi xui trâu lại ghét trâu.
 Đây đói xếp ve còn só mũi,
 Nó no kèn cỏ lại nghênh đầu.
 Ruồi lằng đẽ lại khôn vàng vây,
 Cỏ quạ đem theo khéo chực chầu.
 Nhăn nou cười ai mồm ngó nghé ?
 Rồi đây sút cọc sẽ xem nhau.

RỒI CHẠY NỐI RANG CÙNG CHẠY

Chạy chi vội vã chú nồi rang ?
 Rồi chạy xưa nay vẫn thế thường.
 Ai nẩy lo uốn lèn lúp xúp,
 Tới đây sợ trẻ phải lang thang.
 Ít nhiều đã biết tùy đồng vốn,
 Buôn bán ai không kiểm mỗi hàng.
 Đã vậy hai ta vậy một lũ,
 Xin đừng sẩy cảng chờ hỏi mang.

CÓC CÓ GAN, NHÁI CÙNG CÓ GAN

Chú cóc lôi thói khéo giận càn !
Nhái đây tôi cũng có buồng gan.
Chọc trêu đúng choanh đòi mà mõe,
Ngứa ngáy ai không bảy lá hàng.
Nghien cả hai hàm tuôn sầm dậy,
Kêu chơi một tiếng nhảy mưa tràn.
Nào ra nhảy thử ai cao thấp,
Mõ quắp da sồi khéo dở dang.

GÀ CỒ ĂN QUẦN CỐI XAY

Mặc ai rúng rẩy, mặc trầm trồ,
Quần cối xay, đây giữ thói cồ.
Lẩm lúc tròn thây đi xó ró,
Rủi thì trặt họng ních hò đồ.
Cảng chân lồng nhồng khôn bươi bếp,
Lồng lá cùn trơ khó nhảy bồ.
Vườn rậm rẩy xa đèn cáo dữ,
Chẳng cho ăn đầy biết ăn mô.

ĂN MÀY CHỜ CƠN CHÁY CHỢ

Lạ lùng chi đầy thói ăn mày :
Chợ cháy nhờ cơn thạo thua nay.
Xin xỏ đêm hôm còn nể mặt,
Khôa tràn nước lửa đốt ra tay.
Đục ao nhón nhác cò mừng nước,
Ngã đám nghênh ngang qui phá chay.
Cô bác bà con đừng trách móc,
Chúng tôi sung sướng đặng bao ngày ?

XE GIÂY BUỘC MÌNH

Thể tục nbiều người gãm tró trênh :
Xe giây mình trồ buộc vào mình.
Giữ gìn chặc dã săn con cái,
Hỗ hết hay đàu đỗ mồi manh.
Miệng lưỡi còn đây không chõ gõ,
 Tay chơn trơ đó phải ngồi khoanh.
Lưỡi trời còn lấm cơn sưa nhặt,
 Kẽ tóc chân tơ khéo hớ hênh.

HÀNG XÓM CHÁY NHÀ BĂNG CHƯN NHƯ VẠI

Kìa đâu xóm cháy mấy hàng nhà.
Chân vại hàng tron dẽ rúng cà.
Chạy chưa bốn bể coi nhúc nhúc,
 Ngồi yên một chõ vụng cha chà.
 Rủi may trời mặc đèn nhà nấy, (1)
 Tuồng chạm chí đâu bát sóng ta. (2)
 Mai mốt rủi thì van chối chết,
 Bà con sao khéo bắt nhơn à !

DẠY KHỈ LEO CÂY

Sâu hiễm lòng người gãm dǎng cay :
Kìa ai còn dạy khỉ leo cây ;
Một bầy lão liễn khòn bâu hót,
 Lấm kẽ lấm le khéo thợ thày.
Vớ cả bốn tay còn gọi giờ, (3)
 Vạch tung cái lá chưa cho hay. (4)
 Thôi thôi xin bớt mồm khuôn rập,
 Đến lúc dòm nhà mới biết thây. (5)

- 1) Đèn nhà ai nầy tò. 2) Bát đè một sòng không tuồng cũng
 chagem. 3) Vớ cả bốn tay thêm hai tay. 4) Vạch lá tìm sâu.
 5) Nuôi khỉ dòm nhà.

RA ĐƯỜNG HỎI ÔNG GIÀ VỀ NHÀ HỎI CON NÍT

Già trẻ xưa nay tính thật thà,
Hỏi han phải biết lúc vào ra.
Lở chừng hỏi lèo tìm trang cụ ;
Gạy mồi buồng khe cút lù la,
Đầu bạc trái mùi hay cẩn kẽ,
Miệng hỏi lúi lưỡi dẽ dò la.
Ở đồi giát ít câu lè lối,
Khỏe lúc đường xa, rẽ nới nhà.

THƯƠNG THÌ TRÁI ẤU CÙNG TRÒN GHÉT THÌ BÒN HÒN CÙNG MÉO

Xưa nay cũng « ấu » cũng « bòn hòn »,
Thương ghét vì đâu đổi méo tròn.
Méo xẹo xem ưa lòng cũng thích,
Bầu xinh tròn chán mắt thèm chồn.
Coi đồi đã khó phân xinh xấu,
Lòng tục càng thêm lòn giở ngon.
Trái đất méo tròn còn lấm miệng,
Đâu gia bất quá sự con con.

KHUẤY LÃ LÊN HỒ

Tay trắng làm nên có, dẽ mồ !
Khen ái khéo khuấy lã lên hồ.
Múc chừng non bát còn trong trèo,
Đánh mãi già tay cũng đặc khô.
Lụa phải tốn công thêm tốn bột,
Đâu là không giềng lại không hồ.
Vắt chày ráo miếng càng mang tiếng,
Nước đặng bao lu, mờ mấy bờ !

GẦN MỰC THÌ ĐEN, GẦN ĐÈN THÌ SÁNG

Người sao dại dột, kẻ khôn cà ?
Gần mực gần đèn bởi tại ta.
Quần mài ao nghiên lòng cũng đục,
Giữa kè cột liệu mặt thêm hoa.
Chàm xanh khó đổi mùi bùn giờ, (1)
Đóm nhoáng sau nêu bỏ được lòa. (2)
Trong trẻ kia ai nghe đầy hử !
Lẹ đèn rán chịu, mực chừa xa.

VỢ CHỒNG KHÔN DẠI, ĐÓNG CỬA DẠY NHAU

Đã gọi xưa nay đạo vợ chồng :
Dại khôn đóng cửa dạy nhau trông.
Nghách song tai vách toan gìn giữ,
Kẽ tóc chân tơ mặc cẩn cùng.
Mũi dại lái mang thuyền mới vũng,
Đèn ai lấy tó gió rung khôn.
Thói đời còn lấm người thò kịch,
Miệng lưỡi, tay chân, cửa mở tung !

THEO VOI TRÔNG ĂN BĀ MÍA

Nực cười lấm kẻ chạy theo voi,
Nhớn nhác trông ăn bā mía hoài.
Đeo đuôi ướt chừng trò choá móng,
Thải thừa nào thấy cụ ngồi vòi.
Đói tìm tàn đóm thêm lơ láo, (3)
Khát chực bì mo gãm thiệt thời. (4)
Đi cảng dẽ đâu về ngựa vội, (5)
Còn toan mượn cút để làm oai (6)

- 1) Thanh xuất ư lam, nhí thắng ư lam : nghĩa là phàm xanh
ở chàm mà ra mà lai xanh hơn chàm. Ý nói học trò hơn
thầy. Trước đóm đóm sau ra bỏ đuốc. Ý nói việc trước nhỏ
sau to. 3) Theo đóm đóm ăn tàn. 4) Không có cho đáy bì
mo, có đâu mà cho miệng dài. 5) Đi voi về voi, đi ngựa về
ngựa. Sở voi ai sở cút voi.

ĐÒ VƠI QUÁN ĐẦY

Ra đường nên thạo tiếng lè dòi !
Bỏ chiếc đò đầy tránh quán voi.
Rộng rãi thưa khoang toan lựa chuyen,
Nghênh ngang chặt khánh cứ tìm nơi.
Sớm không mấy bước nên chờ đợi,
Tôi lại đóng tay để nghỉ ngồi.
Biết mặt tự nhiên rồi hiểu trái,
Kỵ đò đầy ngoắt quán lung mòn.

MĂNG NON MÍA GIÀ

Ăn uống người xưa thạo lầm mà,
Măng ăn non nót mía già.
Tược vôi nhơn dịp còn ôm bẹ,
Mưng mật chờ khi đã rụng hoa.
Mặc súc canh rau giòn hết thế,
So muối đường kẹo ngọt đâu nà.
Thói đời lầm kẽ mồm què kịch,
Măng để lên cây mía bẻ nha.

TRÂU CHẾT MẶC TRÂU, BÒ CHẾT MẶC BÒ, CỦ TỎI GIẶT LUNG

Trâu bò thiên hạ chết lung lung,
Củ tỏi ta đây cứ giặt lung.
Sáu súc còn năm đâu trối kẽ, (1)
Năm tân giữ một để phòng chừng. (2)
Căng da chẳng lẽ căng xương thịt,
Kiểm muối không lo kiểm sả gừng.
Cứu chữa dù ai, dao chực săn,
Mùi đời cay đắng gồm ghê nhung.

- 1) Lục súc là sáu giống súc : ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo.
2) Ngũ tân là năm món cay : hành, tỏi, tiêu, gừng, què.

QUYỀN CỐI ĐÁ, VÀ RƠM KHÔ

Thứ cân « quyền » « vạ » góm ghè thòi,
Bên cối, bèn rơm, khéo vác luôi.
 Tay nắm một khiêng vẫn chẳng chuyển,
 Chân sa hai ngón xách như chơi.
 Trời thây chó liềm mòn bao thuở, (1)
 Mặc sức trâu ăn ghét thiệt đời. (2)
 Lợ đèn rủi thì roi đóm lửa,
 Gần rơm lóm lém cối tan rời. (3)

QUAN LÀ CHA MẸ DÂN

Cha mẹ thương con nhắt thế gian,
 Ai đem hai chữ tặng nhà quan?
 Oai quyền bậc nhất tay ôm cả,
 Nuôi dạy gồm hai gánh nặng tràn.
 Thiệu Đô lâu ngày bia đá mòn, (4)
 Trần linh lấm thuở bóng cây tàn. (5)
 Không thương vì bởi con không đẻ,
 Hùm dữ càng hay ních thịt càn. (6)

- 1) Chó liềm cối đá không mòn. 2) Trâu cột ghét trâu ăn. 3) Lửa gần rơm không cháy cũng lóm lém. 4) Trong sách Tàu : Hai ông ấy thương dân như con. Dân gọi là « cha Thiệu » « mẹ Đô ». 5) Trần linh là hai thứ cây tốt bóng, người ta hay nghi mát dưới đó. Trong kinh thi có câu : Nghiền hũu trần, hũu linh, khai đè quân tử, dân chi phụ mẫu. Nghĩa là cao thi có cây trần, thấp thi có cây linh, vui thuận người quân tử kia chính là cha mẹ của dân. 6) Hùm dữ không ăn thịt con. Lại Tàu gọi quan dữ là quan hùm nằm.

CƠM KHÔNG LÀNH CÀNH KHÔNG NGON

Nhen lửa vì ai nhóm bếp nầy? (1)
Cơm canh đến nỗi dở inh đây.
Chán chường tớ úng mùi rơm lem, (2)
Lèn lèn như xao bát nước đầy. (3)
Vung méo nồi tròn khôn úp kín, (4)
Rau nào sâu nấy khéo sầu bây. (5)
Hột cơm cắn bè quên canh lạ, (6)
Đưa chǎng chia hai chén chạm rầy. (6)

ĂN THUNG NGỒI DƯỚI GỐC THUNG ĂN RỒI LẠI VÁI TÚ TUNG NGÙ HOÀNH

Ăn thung săn gốc cứ ngồi thung,
Trái chúng ăn rồi vãi tú tung.
No bụng chán mồm nhớ bóng mát,
Hoa tay múa căng đở hơi khùng.
Không rào cây ấy còn trù bõn, (8)
Chẳng nhớ người trồng lại níu lung. (9)
Phụ bạc mùi đời chua chát góm.
Còn trồng ăn táo giúp cho cùng. (10)

- 1) Đôi ta như lửa mới nhen, như trăng mới mọc như đèn mới khêu. 2) Lửa gần rơm không cháy cũng nhóm lem. 3) Ở với nhau như bát nước đầy. 4) Nồi tròn úp vung tròn, nồi méo úp vung méo. 5) Con sâu làm rầu nồi canh. 6) Cắn cơm không bè. 7) Đồng tiện chiếc đũa chia hai. 8) Ăn cây nào rào cây ấy. 9) Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. 10) Ăn táo rào thung.

ĐẦU DÙI CUI, ĐÍT THÓT THỊT

Đời xưa lý-trưởng sướng chi nào ?
Thót thịt đùi cui khổ đít đầu.
Đánh đục đánh sảng tro chịu mài, (1)
Ngọn roi ngọn vọt biết bầm đâu ? (2)
Mấy phân mặc đóng mòn hơn cán,
Hai thước mây ram sắc quá dao.
Cui thót đời nay coi đất giá,
Lám người mang bạc lạy đi cầu.

TRÂU QUÈ THƯỞNG TRÂU LÀNH

Trâu què hờ hết chẳng coi ra,
Bất báo trâu lành đất gorm ga.
Đọ thử hai sừng cân cả cặp,
Đau vì bốn cẳng thế cho ba.
So hồn tính thiệt mười phần lõ,
Rủi mắt may còn một bộ da.
Cú tôi giắt lưng dành bỏ thói, (3)
Con ăn con cột trói thây cha. (4)

CÂY CAO THÌ PHẢI GIÓ LAY

Lạ gì thói gió tự xưa nay,
Hè thấy cây cao chỉ muôn day.
Thẳng vóc sồ sà hay cứng cỏi,
Xóc luồng tức tối cứ lung lay.
Coi buồm khách thạo ghê nương bóng, (5)
Né ná chim hèn sợ dính dây. (6)
Nồm, bắc trói thây ra sức thói,
Cột rường trăm thước hở chờ ngày.

- 1) Dùi đánh đục, đục đánh sảng. 2) Churn lý-trưởng là đầu roi ngọn vọt. 3) Trâu chét mặc trâu, bò chét mặc bò, cù tòi giắt lưng. 4) Trâu cột ghét trâu ăn. 5) Coi gió bò buồm.
6) Sách Tàu : Chim kinh ná thấy cây cong cũng lánh xa.

NGƯỜI CAO THÌ PHẢI ĐẮNG CAY TRĂM CHIỀU

Trong thế bao nhiêu nỗi đắng cay :
Người cao phải chịu vốn xưa nay.
Nết Tòng, nết trúc thân vin tối,
Vị bá, hơi cương, miệng nhảm giày.
Cửa tục ra vào khôn cui trán,
Mùi đời ngọt lạt chẳng thò tay.
Bực này ai muốn đem so sánh,
Trăm thước cây cao bị gió lay.

LỢN LÀNH CHỮA LỢN TOI

Nhón nhác khoe tài để đầy coi :
Lợn lành rồi lại chữa ratoi.
Lòng ngon cầm chắc tiền như ngó, (1)
 Tay vụng thò vô cửa đã hòi. (2)
 Gà chết quên hôi thầy bỏ mang, (3)
 Trâu què bắt báo thợ tro vòi. (4)
 Một lần nước mặn già nên tồn. (5)
 Đò dọc nắng đi chắc phải tài. (6)

- 1) Coi mặt mà đặt hình dung, lợn kia có béo thì lòng mới ngon. 2) Tay vụng mà thiền heo cái. 3) Thầy phù thủy không đèn mạng gà. 4) Trâu què thường trâu lành. 5) Một lần mà tồn đèn già, đừng đi nước mặn mà hả ăn chân. 6) Thợ hoạn đi đò giặc. (Đi đò giặc đèn chõ nước ngược thì bộ hành phải ra mà kéo. Người khác có gánh gồng đè trong đò có rắn súc mà kéo cũng không thiệt, anh thợ hoạn chỉ có một cái que giắt trong mình, cũng phải nai lưng mà kéo, nên tiếng tục mới nói thế).

CÀNG CAO DANH VỌNG CÀNG DÀI GIAN NAN

Trời già chực sẵn gánh giang nan,
Danh vọng bao nhiêu cú trút càn.
Hai chữ họ tên muôn miệng ngợi,
Trăm vành cay đắng một thân mang.
Cây suôn trăm thước tư mùa gió,
Vàng đúng mươi phân nặng kiếp than
Càng rụi càng cay càng đắt giá,
Xưa nay gừng quế ở nhân gian.

THẢ VỎ QUÝT ĂN MẮM RUỘI

Thói đói xảo quyết gầm buồn cười,
Vỏ quýt đem lường dĩa mắm ruối.
Dày súc roi tay trơ dấu móng, (1)
Thơm tho chực ngón xía mùi đói.
Ít nhiều chung vốn tiền bao ná,
Mặn lạt thèm lòng của mấy mươi.
Vật giá dẽ nào phân quý tiện :
Mắm ăn khát nước quýt thông hơi.

ÔNG NÔNG NGĀ SẤP, BỒ CÂU ĐÁ DẬP

Lớn lao chi đấy thú bồ câu !
Ngā sấp ông nông cũng đá đầu.
Cao cảng rủi thì xoang trật guốc,
Tháp chàm thừa thế thạo chơi cầu. (2)
Lạy chừa chẳng sợ quân dài mỏ, (3)
Đi kiện không lo sự vỡ đầu. (4)
Kiến cá nhiều lần còn khích bác, (5)
Xưa nay hai chú dính gì đâu.

- 1) Vỏ quýt dày móng tay nhọn. 2) Chơi cầu là đá cầu. 3) Chim chích mà ghẹo ông nông, đèn khi nó mò lạy ông tôi chừa.
4) Trời mưa nắng hai cảng đánh nhau, đánh nhau vỡ đầu, bồ câu đi kiện. 5) Khi cá ăn kiến, khi kiến ăn cá.

ÀNH MÀ CÓ VỢ XIN THÈ, BA MUƠI, MỒNG MỘT, CHÓ HÈ THẤY TRĂNG

Có vợ xin thè với bóng trăng,
Ba mươi, mồng một, thấy khêng tàng.
Chỉ tờ chót vướng chun bà nguyệt,
Tết nhứt đừng trông mặt chị hằng.
Đám trẻ trời hành đêm năm đuốc,
Giòn con quỷ buộc tối chong đăng.
Trên trời dưới đất nghe van vái,
Vàng đá lòng anh bậu biêt chặng ?

THẮNG CHẾT CĀI THẮNG KHIÊNG

Ma mới chưa chi đã lầm thiêng,
Kìa nghe thắng chết cai thằng khiêng.
Trông chừng mặt hậu đòn tre hồng,
Ngó thấu trên quan bát nước triềng.
Lớp vải lớp sảng khôn đầy được.
Chun cao chun thấp khó nằm yên,
Còn trên miệng lồ bay đừng dẽ,
Lắp đất không xong chó trả tiền.

ÔNG THẦN CÂY CÂY DA, CÂY DA CÂY ÔNG THẦN

Ông thần lầm thuở cây cây da,
Lầm thuở cây da lại cây ta.
Bóng ngả sum sê nhiều kẻ nể,
Miếu không vắng vẻ ít ai qua.
Dựa nương có chỗ hương đèn tốt,
Đốn phá không lo nhánh lá già.
Thần giữ oai thần, da giữ gốc,
Nhờ nhau trăm kiếp chó lia xa.

TỐT MĀ GIĒ CÙI (1)

Xưa nay thiên hạ dẽ ai đui,
Tốt mā ra chi thú giē cùi.
Đuôi cánh phủ phê lông rực rỡ,
Miệng mồm vẩy vá căng phanh phui.
Trau tria tý mỉ cho xanh mắt,
Ăn uống lôi thôi chẳng biết mùi.
Càng lấm khoe khoang càng lớn tiếng,
Quạ đen ác vá mặc bùi hùi.

MÈO MĀ GÀ ĐỒNG

Mua bán làm chi ó, các ông !
Sá chi mèo mā với gà đồng.
Mai chiều méo má khuôn thành lạn,
Ngày tháng buối quào đám cỏ không.
Bồ chẳng ai nuôi, nằm chạ mài, (2)
Sàn không chủ chứa, ngũ lang cùng.
Chó ham rẻ giá toan ki cóp,
Xán bè nồi rang, bếp phá tung. (3).

LÊN NON TÚC MỘT TIẾNG CÒI, THƯƠNG CON, NHỚ VỢ, LỆNH ĐÒI PHẢI ĐI

Nhớ vợ thương con dạ nặng trì,
Lên non còi túc lệnh đòi đi.
Ba quân hiệu giáp nghe vang cả,
Hai mối tình sâu rẽ sá chi.
Non nước trót vương cơn biến loạn,
Cửa nhà đành chịu kiếp phân ly.
Gươm thiêng một lưỡi anh từ giã,
Giọt máu anh hùng lụy nữ nhi.

1) Tiếng tục Bắc-kỳ : Ý nói lồng lá hết chỗ đẹp, ăn cứt như ác là loài quạ. 2) Mèo nằm bồ lúa khoanh đuôi, anh thua cờ bạc đuôi ruồi không bay. 3) Con mèo xán bè nồi rang, con chó chạy lại mà mang lấy đòn. Gà mình buối bếp mình.

BAO GIỜ BẮT ĐẶNG THÀNG KHÔI, LẤP THÀNH GIA ĐỊNH CHỐNG TỘI ĐƯỢC VỀ

Vì ai nén nỗi chực chờng tội,
Gia Định kinh vua cũng bởi Khôi.
Chém lấy đầu người trời trợ thuận,
Khỏa bằng mả ngụy lính ban hồi. (1)
Đến xong nợ nước con chia xe,
Thỏa cả tình nhà bạn lứa đồi.
Ly biệt nhau gian cam khổ nhứt,
Đầu thai đừng hóa kiếp lời thòi. (2)

CHA CĂNG CHÚ KIẾT, CHẠY BIỆT LÊN RỪNG

Cha chú nhà tôi thiệt chiết chăng,
Lên rừng chạy biệt cứ lảng nhăng.
Da tươi tiễn cạnh gia truyền săn, (3)
Miệng thạo chữa lành lối rẽ phăng.
Thói thói nghèn buôn con cháu giữ, (4)
Đón đàng lật gánh thuở nay hăng.
Đông đèo cõi bắc khôn tung tích,
Giống nó đói nay hối lầm thăng.

- 1) Lúc Triều Minh Mạng bắt được Lê Khôi, rồi giết hơn vạn người, phá thành Gia Định chôn lấp dưới thành khõa bằng gọi là mả ngụy. 2) Trong Lục Tỉnh mắng nhiều người ta có câu nói là : Mả ngụy đầu thai. 3) Căng da thi chiết cạnh đồng tiền. 4) Thói cõng da trâu buôn chiết cạnh tiền.

RỒNG VÀNG TẮM NƯỚC AO TÙ NGƯỜI KHÔN Ở VỚI NGƯỜI NGU BỤC MÌNH

Lấm thuở rồng thiêng tắm nước tù,
Bục mình người trí ở cùng ngu.
Bay trời cánh chẽch vùi trôn giềng, (1)
Đẹp đắt chưa nghiêng lẩn đám mù.
Trùn lộn đâu lòng tôn tép giòn, (2)
Hùm sa hết thế chó cầy bu. (3)
Gió mây có lúc vùng bay bỗng,
Rười khắp oa mưa gội chín cù.

CƯỚI ĐĪ LÀM VỢ, KHÔNG AI CƯỚI VỢ LÀM ĐĪ

Người đời cưới đī cũng thường tình,
Cưới vợ ai cho thói đī đành.
Lấm thuở thường hoa xe chỉ tía,
Bao đời lầu phụng mở bồng xanh.
Phấn son dễ nhuộm màu đào thắm,
Tóc tóc khôn đua sợi liễu mành.
Lẽ thường xưa nay muôn kẻ hiểu,
Đời này trắt trễu một hai anh.

- 1) Long phi tại thiên : Rồng bay trên trời ; Huỳnh long hiện vựt tinh Đời nhà Hán có con rồng vàng rót dưới giềng. 2) Thần long thắt thê giữ kỳ giẫn đống : Rồng thắt thê lộn với trùn ; Long du thiêm thủy tao hả hí : rồng ở cạn bị tóm giòn. 3) Hồ lạc bình nguyên bị khuyễn khi : cọp xuống đồng bị chó khinh. Mảnh hồ bắt như quần hồ : cọp mạnh thua bầy cầy.

**TAI NGHE SÚNG NỒ CÁI ĐÙNG,
TÀU TÂY ĐÃ LẠI VŨNG THÙNG BỮA QUA**

Kìa đâu súng nổ đã nghe đùng,
Cách bữa tàu Tây lại vũng Thùng.
Nửa hạt Hòa - Vang rần tiếng sấm,
Mấy ngày Đà Nẵng đậu buồm bông.
Khóa sơn bắn trả quen nghe trẻ,
Việt hải bay qua chịu phép Ông.
Vịt chưa lên khò lên cung giỏi, (1)
Bông mai vỏ lửa thị như không.

**LẤY CHI MÀ TRẢ ÁI ÂN,
LẤY CHI MÀ NỘP CÔNG NGÂN CHO LÀNG**

Biết lấy chi chi trả ái ân,
Phần thì làng bắt nộp công ngân.
Đá vàng trơ đáy khòn rồi nợ,
Tiền bạc vơ đâu để rãnh thân.
Ngãi mẹ ơn cha trời đất nặng,
Bán con đợt vợ tháng ngày lèn.
Đắp đàng đào suối bờn vàng bẽ, (2)
Khuấy khoả vì ai khổ kiếp dân.

Câu đối khóc vợ.

Nhà vẫn đà nghèo thay ! nhò có bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, xắn váy quai cổng, tất tả chân bắc chân nam, giúp tú đỡ đàn trong mọi việc ?

Bà đi đâu vội mẩy ! để một lão vất vưởng, bói tóc củ hành, bỏ quần lá tọa, gật gù tay đưa tay chén, cùng ai kể lể chuyện trăm năm.

Câu đối.

Cha con thầy thuốc về làng, xách một gói hồi hương phụ tử
Vàng bạc nhà nông thuộc đất, trồng đồi hàng thực địa kim ngân.

- 1) Khi Tây mới qua ta dân gian không biết đồn rằng : Tây chỉ giỏi dưới nước như vịt, lên khô nắm cỏ mà xách. 2) Lày chi mà trả ái ân, lày chi mà nộp công ngân cho làng. Phần thi quan bắt đắp đàng, đào sông Cu-Nhí bờn vàng Bông Miêu.

PHỤ - LỤC

Những bài sau đây là những bài chép theo truyền văn, không thấy trong di-thảo, không rõ là có chắc của Cụ như người ta nói không. (Người sao lục).

CON MUỒI (1)

Mình thời ngắn ngắn, cẳng thời dài,
Nho nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai.
Ít sức bay đâu mang đặng núi,
To gan có lúc cắn nhau voi.
Xua tanh lù kiến tuồng vô dụng,
Gầy mặt bầy ong dạng bắt tài.
Mình bạch gầm ra thua nghỉ hết,
Cắn người rồi lại dói bên tai l

CON RÀN

Mặt mũi làm ri cũng có râu,
Cả đời chẳng biết dụng vào đâu?
Xôn xao trên mao chưa nên mặt,
Lục đục trong chăn cứ giục đù.
Khuấy ngứa gầy dân chi khác một,
Ra công béo nước chẳng bằng trâu
Khéo sinh trong thế chi cho nhộn?
Có có không không cũng chẳng cầu,

CON TRÂU

Mài sừng cho lâm cũng là trâu,
Gầm giống chi chi thiệt lớn đầu!
Trong bụng lam nham vài lá sách,
Ngoài cẩm lém đém một chùm râu.
Mắc mưu đốt đít toi bời chạy,
Làm lẽ bối chuồng dồn đặc sầu.
Nghé ngạ một đời quen nghé ngạ,
Tiềm dây đòn khảy biết nghe đâu.

CHIM LỒNG CÁ CHẬU

(Làm ở Côn-Lon)

Chim thời quen núi cá quen sông,
Cắt cổ sao nên mắc chậu lồng!
Khôn tối khôn lui trong nước túng,
Khó bay khó nhảy giữa trời không.
Quen chưng biển thánh tuồng đuôi ngạc,
Tách dăm non Nam lạc cánh hồng.
Chốn ấy một mai dầu đặng khôi,
Chim thời nêu phụng cá nên rồng.

i) Theo Cụ Huỳnh thúc Kháng thì bài này chính của cụ Tây Hồ soạn.

IN TẠI NHÀ IN LÊ THỊ ĐÀM
37/40, Phát - Diệm, Saigon
Giấy phép số 1493 / X B
ngày 17-7-61 của H.D.K.D. Sg.

Giá Bán : 28 \$